



VIHEM1

Chất lượng tạo nên giá trị



ECO'WIND

Chất lượng tạo nên giá trị

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY ĐIỆN VIỆT NAM - HUNGARI 1



Catalogue

ỐNG GIÓ - VAN GIÓ - MIỆNG GIÓ

GIỚI THIỆU



Cảm ơn Quý khách hàng đã quan tâm đến sản phẩm của công ty VIHEM

VIHEM 1 là doanh nghiệp chuyên sản xuất động cơ điện, quạt công nghiệp, ống gió, cửa gió, van gió, thang máng cáp, hệ thống hút bụi, các loại phụ kiện của hệ thống thông gió.

Với bề dày hơn 40 năm kinh nghiệm trong ngành sản xuất chế tạo, cùng với trang thiết bị hiện đại, quy trình quản lý sản xuất chuyên nghiệp, đội ngũ kỹ thuật lành nghề - kinh nghiệm. Công ty VIHEM 1 luôn mang đến những sản phẩm chất lượng cao - tiến độ giao hàng đảm bảo

- giá thành hợp lý nhằm đáp ứng mọi yêu cầu của quý khách hàng.

Với phương châm “Chất lượng tạo nên giá trị” Chúng tôi cam kết rằng sẽ cung cấp tới khách hàng những sản phẩm, dịch vụ tốt nhất và luôn tự hoàn thiện để mang đến giá trị và niềm tin với khách hàng.

VIHEM 1 Hân hạnh được đón tiếp và làm hài lòng Quý khách!



MỤC LỤC

I. ỐNG GIÓ VUÔNG	3
II. SẢN PHẨM ỐNG GIÓ VUÔNG.....	9
1. ỐNG GIÓ THẲNG.....	9
2. LỢN	10
3. TÊ CHỮ NHẬT	11
4. RỄ NHÁNH CHỮ NHẬT	12
5. CHỮ THẬP VUÔNG.....	13
6. CÔN GIẢM.....	14
7. CO CHỮ NHẬT	15
8. CHÂN RỄ CHỮ NHẬT	16
9. GÓT GIÀY CHỮ NHẬT	17
10. VUÔNG TRÒN CHỮ NHẬT	18
11. HỘP GIÓ	19
III. ỐNG GIÓ TRÒN	20
IV. SẢN PHẨM ỐNG GIÓ TRÒN.....	24
1. ỐNG TRÒN THẲNG	24
2. Y, TÊ TRÒN	25
3. GIẢM TRÒN	26
4. CO TRÒN.....	27
5. LỢN ỐNG GIÓ TRÒN	28
V. ỐNG TIÊU ÂM.....	29
1. ỐNG TIÊU ÂM VUÔNG	29
2. ỐNG TIÊU vách.....	30
3. ỐNG TIÊU ÂM TRÒN	31
VI. VAN VUÔNG	32
1. VAN GIÓ TAY GẠT, tay vặn.	32
2. VAN GIÓ TAY GẠT - CẦU CHÌ.....	34
3. VAN GIÓ 1 CHIỀU	35
4. VAN ÁP SUẤT/ XẢ ÁP.....	36

5. VAN CHẶN LỬA, CHẶN KHÓI.....	37
6. VAN ĐỘNG CƠ (CHẶN LỬA- CHẶN KHÓI).....	38
7. VAN điều chỉnh lưu lượng vuông.....	39
VII. VAN TRÒN	40
1. VAN GIÓ TAY GẠT, TAY VẶN TRÒN	40
2. VAN GIÓ TAY GẠT CẦU CHÌ.....	41
3. VAN GIÓ 1 CHIỀU	42
4. VAN ÁP SUẤT/ XẢ ÁP	43
5. VAN GIÓ CHẶN LỬA.....	44
6. VAN ĐỘNG CƠ CHẶN LỬA.....	45
7. VAN điều chỉnh lưu lượng TRÒN.....	46
VIII. MIỆNG GIÓ	47
1. MIỆNG GIÓ KHẾCH TÁN VUÔNG	47
2. MIỆNG GIÓ KHẾCH TÁN TRÒN.....	48
3. MIỆNG GIÓ NAN LÁ SÁCH.....	49
4. MIỆNG GIÓ KIỂU SỢT TRÚNG	51
5. MIỆNG GIÓ BẦU DỤC 1 LỚP NAN	53
6. MIỆNG GIÓ BẦU DỤC 2 LỚP NAN.....	54
7. MIỆNG GIÓ KIỂU KHE HẸP	56
8. MIỆNG GIÓ KIỂU NAN T	57
9. MIỆNG GIÓ NAN Z	58
IX. NỐI MỀM ỐNG GIÓ.....	59
X. ỐNG GIÓ CHỐNG CHÁY	60
XI. SẢN PHẨM ỐNG GIÓ CHỐNG CHÁY	



PHÂN LOẠI ỐNG GIÓ THEO ÁP SUẤT

Loại ống gió	Áp suất tĩnh		Vận tốc gió tối đa
	Áp suất dương (+)	Áp suất âm (-)	
Thấp áp, loại A	500 Pa	500 Pa	10 m/s
Trung áp, loại B	1000 Pa	750 Pa	20 m/s
Cao áp, loại C	2000 Pa	750 Pa	40 m/s

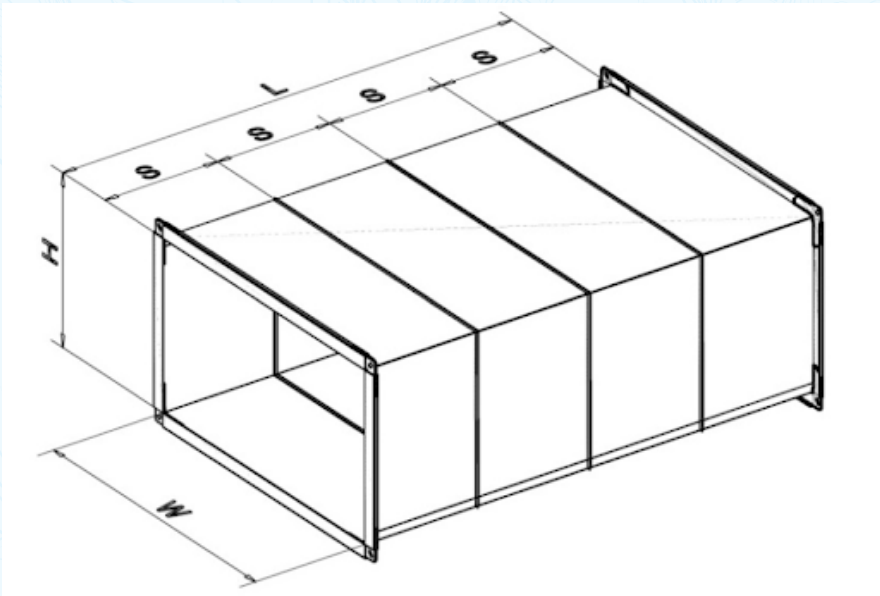
**ĐỘ DÀY TIÊU CHUẨN
Theo DW/144**

Kích thước tối đa cạnh lớn (mm)	Ống áp suất thấp & trung bình (mm)	Ống áp suất cao (mm)
400	0.58	0.75
600	0.75	0.75
800	0.75	0.75
1000	0.75	0.75
1250	0.95	0.95
1600	0.95	0.95
2000	0.95	1.15
2500	0.95	1.15
3000	1.15	

THEO SMACNA

Kích thước lớn của ống (mm)	Độ dày tối thiểu của vật liệu (mm)			
	125 Pa	500 Pa	1000 Pa	2500 Pa
<200	0.55	0.55	0.55	0.55
201-300	0.55	0.55	0.55	0.70
301-350	0.55	0.55	0.55	0.95
351-450	0.55	0.55	0.55	1.00
451-600	0.55	0.55	0.70	1.00
601-700	0.55	0.55	0.85	1.00
701-900	0.55	0.70	0.85	1.31
901-1000	0.55	0.85	1.00	1.31
1001-1200	0.55	0.85	1.31	1.61
1301-1500	0.70	1.00	1.31	1.61
1501-1800	0.85	1.00	1.31	0.00
1801-2100	1.00	1.00	1.61	
2101-2400	1.00	1.31		
2401-2700	1.31	1.61		
2701-3000	1.61			

KÍCH THƯỚC TIÊU CHUẨN



Kích thước ống gió $W \times H, L$ (với W là chiều rộng, H là chiều cao, L chiều dài ống gió) sản xuất theo yêu cầu.

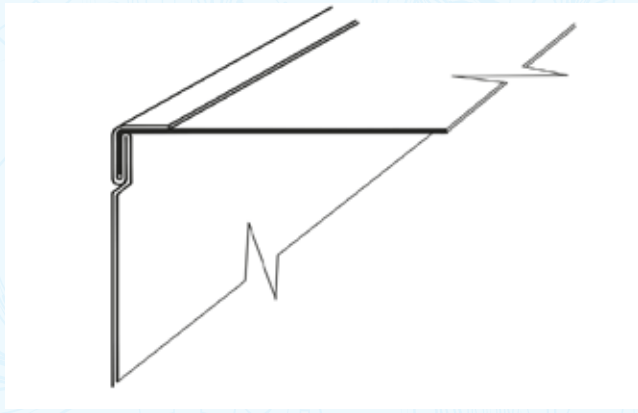
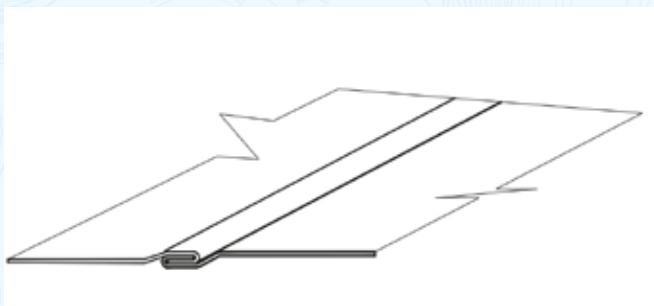
Hạn chế thiết kế theo tỷ lệ cao hơn 4:1 ($W:H$), với tỷ lệ này ma sát tăng cao sẽ tạo tiếng ồn lớn. Kích thước ống gió được hiểu là kích thước mặt cắt ngang của ống.

CHIỀU DÀI VÀ MỐI GHÉP

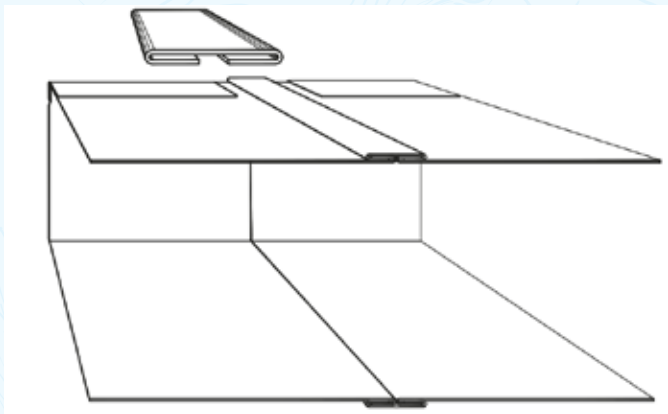
Chiều dài ống gió tiêu chuẩn là chiều dài hết khổ tôn tương ứng với từng loại mối ghép ngang.

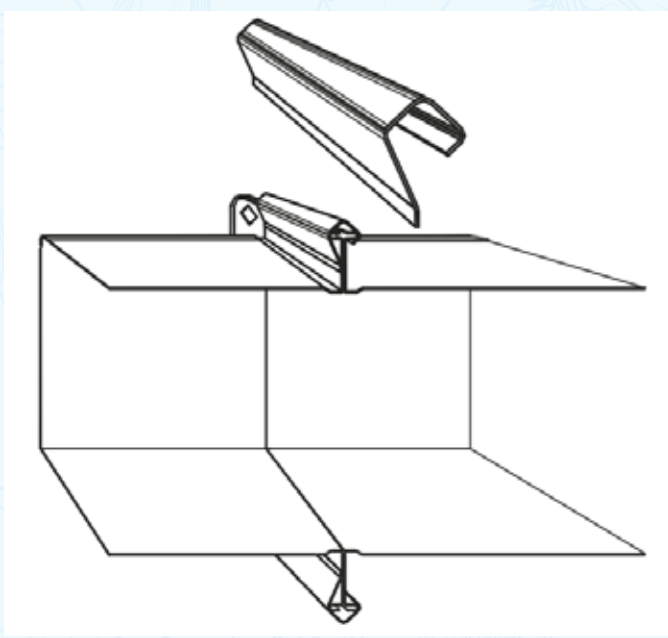
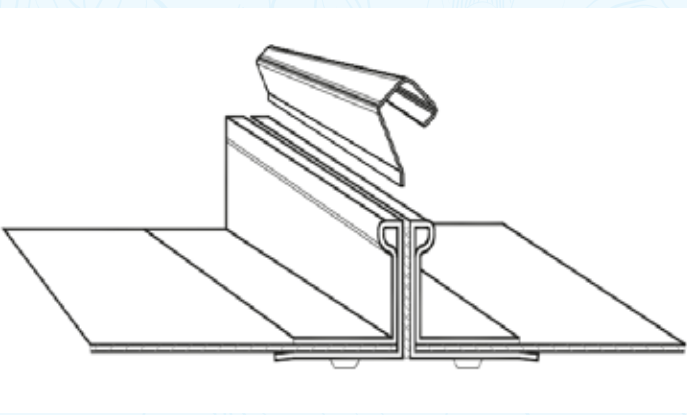
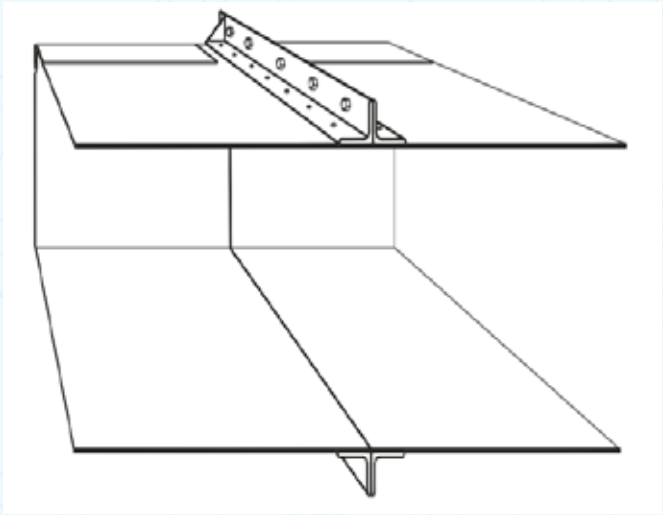
Stt	Loại mối ghép	Chiều dài ống ((mm	(Sai số (mm	Ghi chú
1	Mối ghép TDF	1110	5mm (-) +	Tole khổ 1200
2	Mối ghép nẹp C	1180	5mm (-) +	Tole khổ 1200
3	Mối ghép bích V	1180	5mm (-) +	Tole khổ 1200
4	Mối ghép TDC	1210	5mm (-) +	Tole khổ 1200

MỐI GHÉP DỌC

Tên mối nối	Sơ đồ ghép	Áp suất tĩnh (Pa)	Ứng dụng
Mối ghép dọc		≤ 2500	Ghép cạnh dọc
Mối ghép nối		≤ 2500	Nối thành tấm lớn

MỐI GHÉP NGANG

Tên mối ghép	Sơ đồ ghép	Ứng dụng	
		Áp suất tĩnh (Pa)	Kích thước lớn nhất mặt cắt ngang (mm)
Mối ghép nếp C		≤ 1000	≤ 600

Mối ghép TDF		≤ 2000	* ≤ 1600 đối với áp suất tĩnh thấp * ≤ 1250 đối với áp suất tĩnh trung bình * ≤ 1000 đối với áp suất tĩnh cao
Mối ghép TDC		≤ 2500	* > 1500 đối với áp suất tĩnh thấp * > 1000 đối với áp suất tĩnh trung bình * > 500 đối với áp suất tĩnh cao
Mối ghép V		≤ 2500	* > 1500 đối với áp suất tĩnh thấp * > 1000 đối với áp suất tĩnh trung bình * > 500 đối với áp suất tĩnh cao



II. SẢN PHẨM ỐNG GIÓ VUÔNG

1. ỐNG GIÓ THẲNG

THÔNG TIN SẢN PHẨM:

Mã hiệu	CN - WxH-L-C/TDF/V		
	(1)	(2)	(3)

(1) CN: Ống gió chữ nhật

(2) WxH-L: Chiều rộng x cao - dài

(3) Loại mối ghép

Ví dụ: CN - 500x450-800-TDF.

Ống gió chữ nhật, rộng 500mm, cao 450mm, dài 800mm, dùng mối ghép TDF

VẬT LIỆU:

Thân: Tôn tráng kẽm / Inox SUS 201, 304

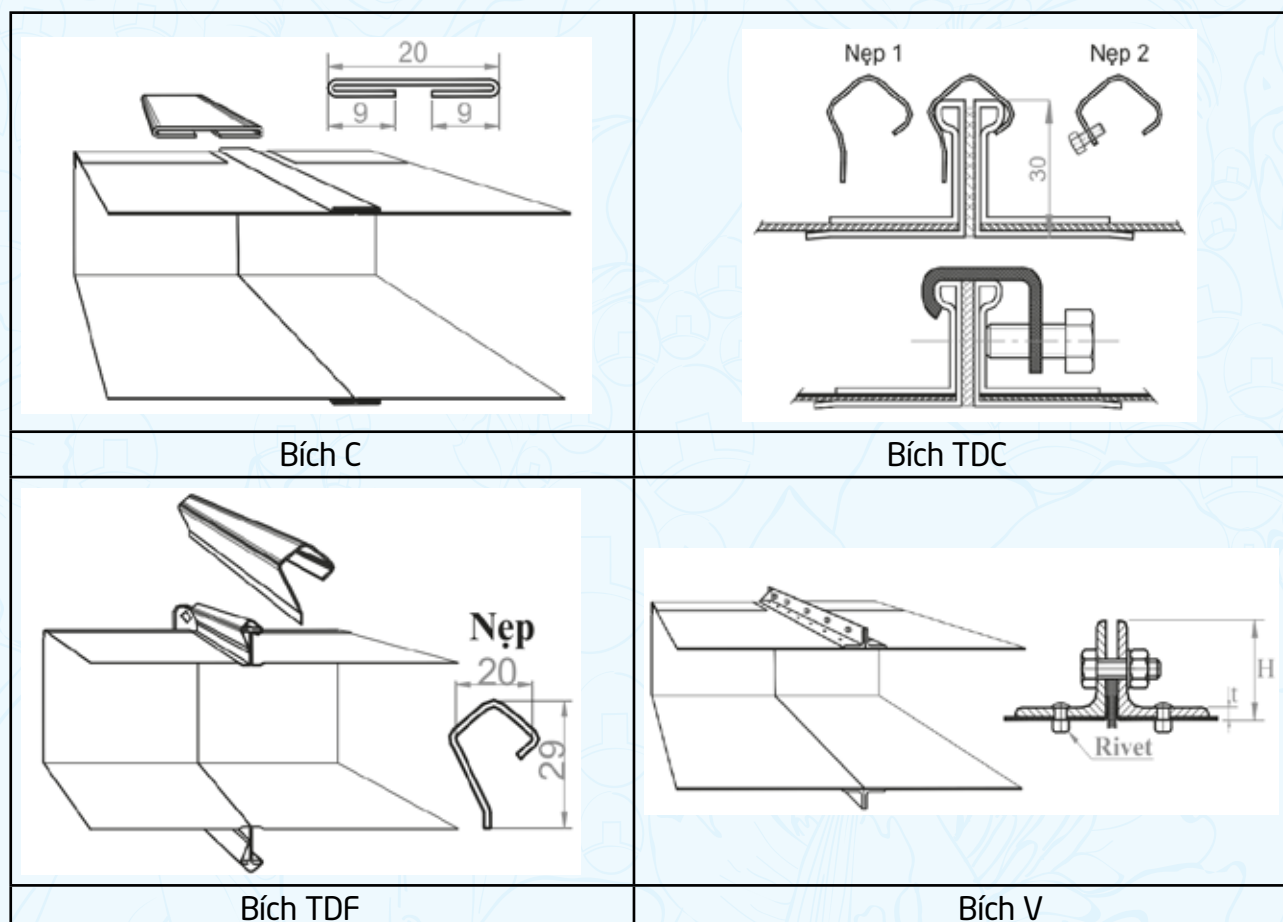
Độ dày (mm): 0.58/ 0.75/ 0.95/ 1.15

Bích: C / TDF / V (theo yêu cầu).

ỨNG DỤNG:

Làm đường ống chính lưu thông gió.

Stt	Loại mối ghép	Chiều dài ống (mm)
1	TDF	1110
2	C	1180
3	V	1180



2. LỰƠN

Mã hiệu	CNL – WxH-L x a-C/TDF/V		
	(1)	(2)	(3)

(1) CNL: Lượn chữ nhật

(2) WxH-L: Chiều rộng x cao x dài, a độ lệch tâm

(3) Loại mối ghép

Ví dụ: CNL - 200x200- L500xa200-C

Lượn chữ nhật, rộng 200 mm, cao 200mm, dài 500 mm, độ lệch tâm 200 mm, dùng mối ghép C

Sản phẩm	Góc lệch tâm	L min
Lượn Z	$\alpha \leq 30$	$2a + 200$
Lượn bo góc	$\alpha \leq 30$	$2a + 200$

VẬT LIỆU:

Thân: Tôn tráng kẽm / Inox SUS 201, 304

Độ dày (mm): 0.58/ 0.75/ 0.95/ 1.15

Bích: C / TDF / V (theo yêu cầu)

ỨNG DỤNG

Thay đổi hướng gió: lên, xuống, sang trái hoặc sang phải



Lượn Z	Lượn bo góc



3. TÊ CHỮ NHẬT

THÔNG TIN SẢN PHẨM:

Mã hiệu CNT - W1xH1/W2xH2/W3xH3-L-C/TDF/V

(1) (2) (3)

(1) CNT - Tê chữ nhật

(2) W1,2,3: Chiều rộng ống, H1,2,3: Chiều cao ống, L: Chiều dài ống gió.

(3) Loại mối ghép

Ví dụ: CNT - 250x200/100x100/250x200-L250-C.

Tê chữ nhật W1 250mm, H1 200mm; W2 100mm, H2 100mm; W3 250mm, H3 200mm, chiều dài 250mm bán kính R 125mm, dùng mối ghép C để kết nối.

VẬT LIỆU:

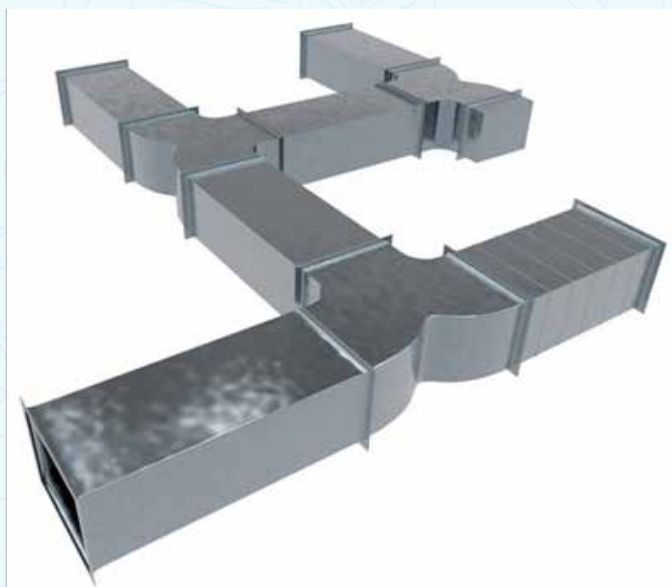
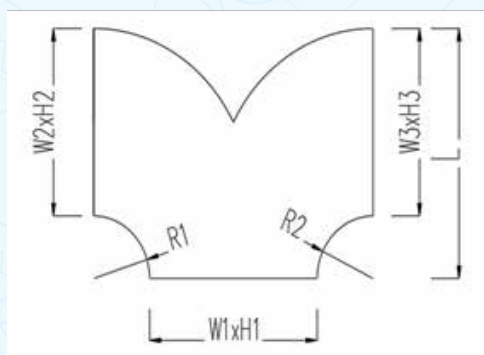
Thân: Tôn tráng kẽm / Inox SUS 201, 304

Độ dày (mm): 0.58/ 0.75/ 0.95/ 1.15

Bích: C / TDF / V (theo yêu cầu)

ỨNG DỤNG:

Được dùng trong trường hợp cần chia hoặc gộp gió trong hệ thống điều hòa thông gió.



* R1; R2 ≥ 100

* R1; R2 phụ thuộc vào kích thước nhánh

4. RỄ NHÁNH CHỮ NHẬT

THÔNG TIN SẢN PHẨM:

Mã hiệu CNRN - W1xH1/W2xH2/W3xH3-L-C/TDF/V

(1) (2) (3)

(1) CNRN – Rễ nhánh chữ nhật

(2) W1,2,3: Chiều rộng ống, H1,2,3: Chiều cao ống, L: Chiều dài ống gió.

(3) Loại mối ghép

Ví dụ: CNRN - 250x200/100x100/250x200-L250-C.

Rễ nhánh chữ nhật W1 250mm, H1 200mm; W2 100mm, H2 100mm; W3 250mm, H3 200mm, chiều dài 250mm bán kính R 125mm, dùng mối ghép C để kết nối.

VẬT LIỆU:

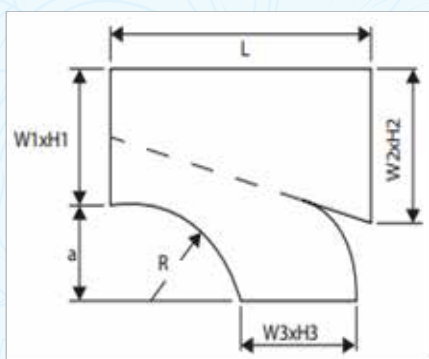
Thân: Tôn tráng kẽm / Inox SUS 201, 304

Độ dày (mm): 0.58/ 0.75/ 0.95/ 1.15

Bích: C / TDF / V (theo yêu cầu)

ỨNG DỤNG:

Được dùng trong trường hợp cần chia hoặc gộp gió trong hệ thống điều hòa thông gió.



5. CHỮ THẬP VUÔNG

THÔNG TIN SẢN PHẨM:

Mã hiệu CNCT - W1xH1/W2xH2/W3xH3/W4xH4-L-C/TDF/V

(1) (2) (3)

(1) CNCT – Chữ thập vuông

(2) W1,2,3,4: Chiều rộng ống, H1,2,3,4: Chiều cao ống, L: Chiều dài ống gió

(3) Loại mối ghép

Ví dụ: CNCT - 250x200/100x100/250x200/250x200-L250-C

Chạc chữ thập W1 250mm, H1 200mm; W2 100mm, H2 100mm; W3 250mm, H3 200mm, W4 250mm, H4 200mm, chiều dài 250mm, dùng mối ghép C để kết nối.

VẬT LIỆU:

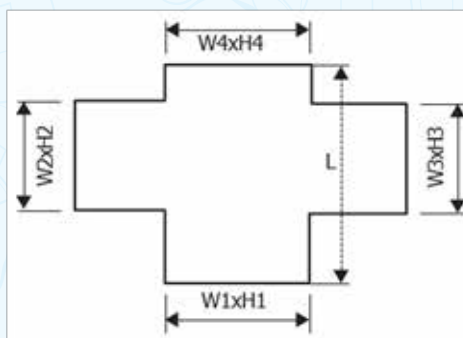
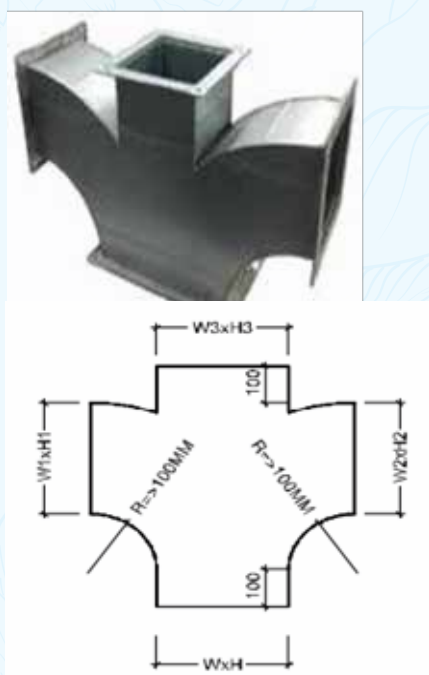
Thân: Tôn tráng kẽm / Inox SUS 201, 304

Độ dày (mm): 0.58/ 0.75/ 0.95/ 1.15

Bích: C / TDF / V (theo yêu cầu)

ỨNG DỤNG:

Ứng dụng: Kết nối với 3 đường ống khác có hướng và tiết diện giống hoặc khác nhau.



Bản vẽ chạc 4 rẽ nhánh Bản vẽ chạc chữ thập

6. CÔN GIẢM

THÔNG TIN SẢN PHẨM:

Mã hiệu CNG -W1xH1/W2xH2-L-C/TDF/V

(1) (2) (3)

(1) CNG: Giảm chữ nhật

(2) W1,2: Chiều rộng ống, H1,2: Chiều cao ống,
L: Chiều dài ống gió.

(3) Loại mối ghép

Ví dụ: CNG - 700x200/400x200- L300-C.

Côn giảm, W1 700mm, H1 200mm; W2 400mm, H2 200mm;
chiều dài 300mm, dùng mối ghép C để kết nối.

VẬT LIỆU:

Thân: Tôn tráng kẽm / Inox SUS 201, 304

Độ dày (mm): 0.58/ 0.75/ 0.95/ 1.15

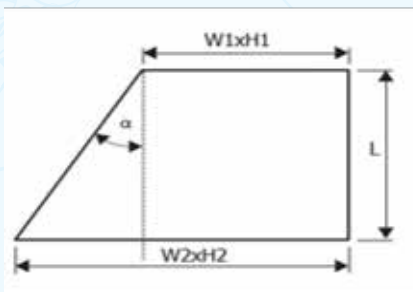
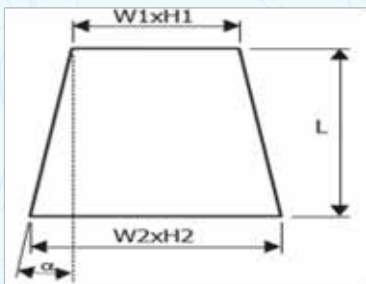
Bích: C / TDF / V (theo yêu cầu)

ỨNG DỤNG:

Ứng dụng: Kết nối đường ống tiết diện khác nhau
trên cùng một phương trong trường hợp cần thay đổi
lưu lượng, áp suất và vận tốc gió.



Côn	Góc α độ	(L min (mm
Đều	$22 \geq$	$(1.2 \times (W1 - W2$
Lệch	$22 \geq$	$(2.4 \times (W1 - W2$



7. CO CHỮ NHẬT

THÔNG TIN SẢN PHẨM:

Mã hiệu CNC - -W1xH1/W2xH2-R-C/TDF/V

(1) (2) (3)

(1) CNC: Co chữ nhật

(2) α : góc co, W1,2: Chiều rộng ống, H1,2: Chiều cao ống,
R: Bán kính uốn cong.

(3) Loại mối ghép

Ví dụ: CNC-90-300x150-R150- TDF

Co đều 90 độ W1 300mm, H1 150mm; bán kính 150mm, dùng mối ghép TDF để kết nối.

VẬT LIỆU:

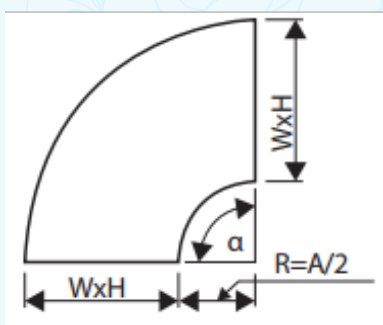
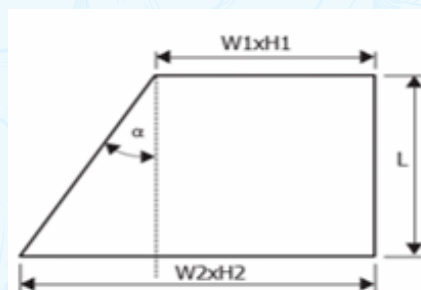
Thân: Tôn tráng kẽm / Inox SUS 201, 304

Độ dày (mm): 0.58/ 0.75/ 0.95/ 1.15

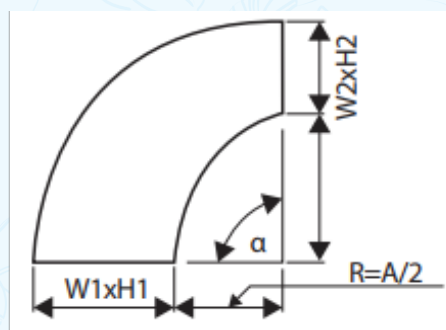
Bích: C / TDF / V (theo yêu cầu)

ỨNG DỤNG:

Ứng dụng: Chuyển hướng đường ống một góc bằng α . Đối với co giảm có thêm công dụng kết nối với đường ống có tiết diện khác



Co đều



Co chuyển



8. CHÂN RỄ CHỮ NHẬT

THÔNG TIN SẢN PHẨM:

Mã hiệu CNCR - W1xH1/W2xH2-L-C/TDF/V

(1) (2) (3)

(1) CNCR: Chân rễ chữ nhật

(2) W1,2: Chiều rộng ống, H1,2: Chiều cao ống,
L: Chiều dài

(3) Loại mối ghép của mặt W2 x H2

Ví dụ: CNCR – 300x150/150x150-L150-C

Chân rễ chữ nhật, W1 300mm, H1 150mm,
W2 150mm, H2 150mm; dài 150mm, dùng mối
ghép C để kết nối.

VẬT LIỆU:

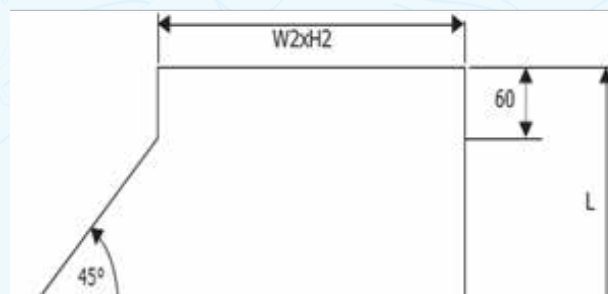
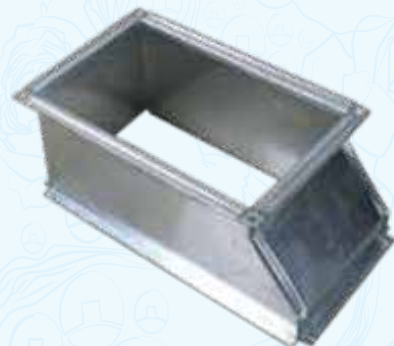
Thân: Tôn tráng kẽm / Inox SUS 201, 304

Độ dày (mm): 0.58/ 0.75/ 0.95/ 1.15

Bích: C / TDF / V (theo yêu cầu)

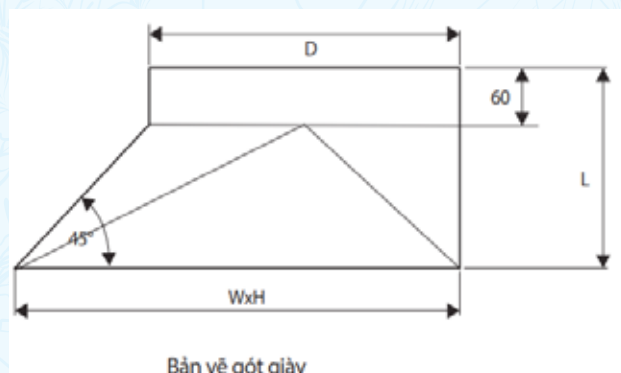
ỨNG DỤNG:

Kết nối các đường ống chính với đường ống
khác có tiết diện nhỏ hơn bằng cách trở lể ở đường
ống chính.



9. GÓT GIÀY CHỮ NHẬT

THÔNG TIN SẢN PHẨM:



Mã hiệu CNGG – WxH-LxD

(1) (2)

(1) CNGG – Gót giày chữ nhật

(2) W: Chiều rộng, H: Chiều cao, D: Đường kính miệng, L: Chiều dài

Ví dụ: CNGG - 30 x15 -L200 x D150

Gót giày W 300mm, H 150mm, L 200mm, D 150mm

VẬT LIỆU:

Thân: Tôn tráng kẽm / Inox SUS 201, 304

Độ dày (mm): 0.58/ 0.75/ 0.95/ 1.15

Bích: C / TDF / V (theo yêu cầu)

ỨNG DỤNG:

Kết nối đường ống chính tiết diện vuông với đường ống với tiết diện tròn bằng phương pháp trở lỗ ở đường ống chính.



10. VUÔNG TRÒN CHỮ NHẬT

THÔNG TIN SẢN PHẨM:

Mã hiệu CNVT - WxH - LxD-C/TDF/V

(1) (2)

(1) CNVT - Vuông tròn chữ nhật

(2) W: Chiều rộng, H: Chiều cao, D: Đường kính miệng, L: Chiều dài

Ví dụ: CNVT - 300x150-L200xD150-C

Vuông tròn W 300mm, H 150mm, L 200mm, D 150mm kết nối bằng nẹp C

VẬT LIỆU:

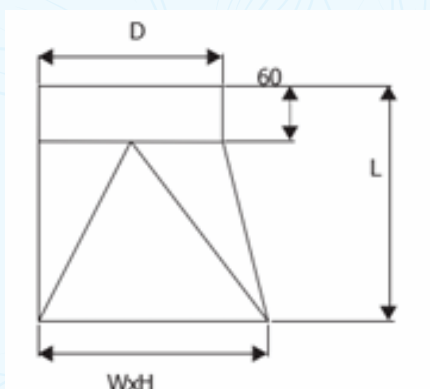
Thân: Tôn tráng kẽm / Inox SUS 201, 304

Độ dày (mm): 0.58/ 0.75/ 0.95/ 1.15

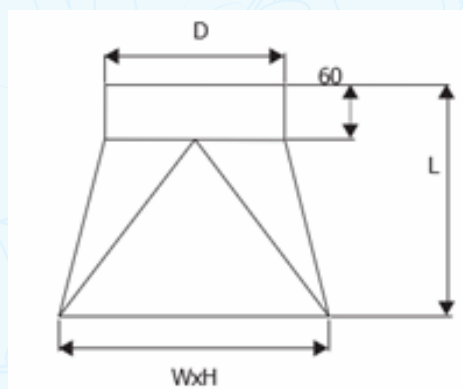
Bích: C / TDF / V (theo yêu cầu)

ỨNG DỤNG:

Ứng dụng: Kết nối đường ống chính tiết diện vuông với đường ống với tiết diện tròn bằng phương pháp trở lỗ ở đường ống chính.



Vuông tròn lệch



Vuông tròn cân



11. HỘP GIÓ

THÔNG TIN SẢN PHẨM:

Mã hiệu HG - WxH - Lx nD

(1) (2)

(1) HG: Hộp gió

(2) W: Chiều rộng, H: Chiều cao, L chiều dài, nD: n số lỗ đường kính D

Ví dụ: HG - 1200x200 - L200x3D150

Hộp gió, W1 1200mm, H 200mm, dài 200mm, mỗi 3 lỗ D150.

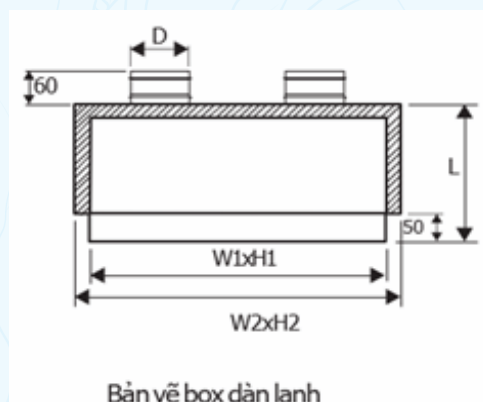
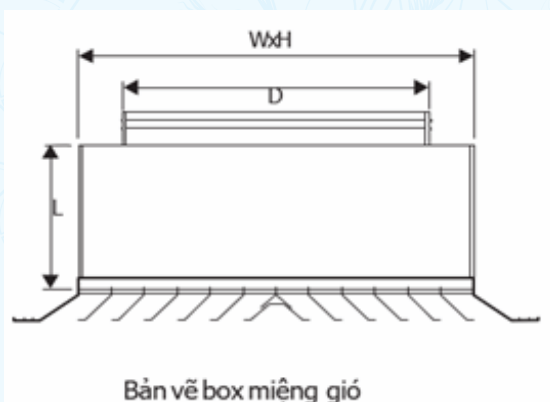
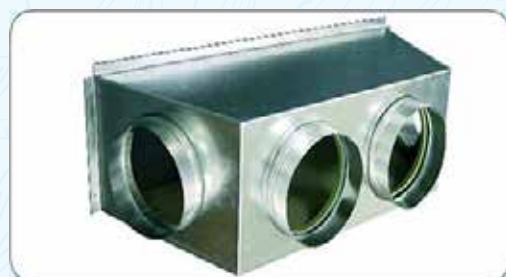
VẬT LIỆU:

Thân: Tôn tráng kẽm / Inox SUS 201, 304

Độ dày (mm): 0.58/ 0.75/ 0.95/ 1.15

ỨNG DỤNG:

Kết nối miệng gió (dàn lạnh) với đường ống hoặc ống gió mềm.





III. ỐNG GIÓ TRÒN

KÍCH THƯỚC VÀ ĐỘ DÀY TIÊU CHUẨN

Theo DW/144

Đường kính danh nghĩa (mm)	Độ dày vật liệu chế tạo theo áp suất (mm)		
	Áp suất thấp và trung bình	Áp suất cao	
90	0.48	0.58	
100			
125			
150			
160			
200	0.58	0.75	
250			
300			
350			
400	0.75	0.95	
450			
500			
550			
600			
650			
700			
750			
800	0.95	1.15	
850			
900			
950			
1000	1.15		
1100			
1200			
1300			
1400			
1500			

KÍCH THƯỚC TIÊU CHUẨN VÀ ĐỘ DÀY VẬT LIỆU ỐNG GIÓ TRÒN XOẮN:

Đường kính tối đa (mm)	Độ dày tối thiểu vật liệu (mm)
<280	0.58
<650	0.75
<1000	0.95
<1600	1.15

THEO SMCNA

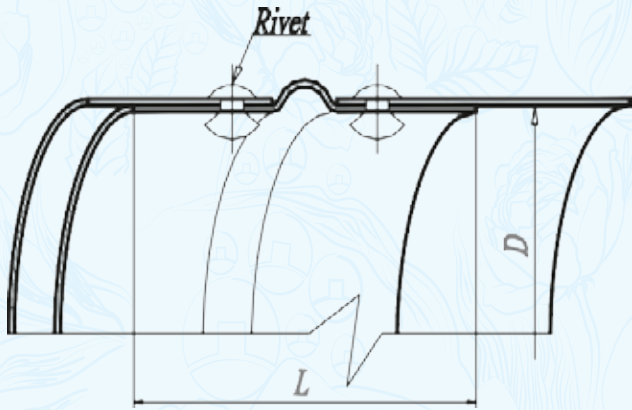
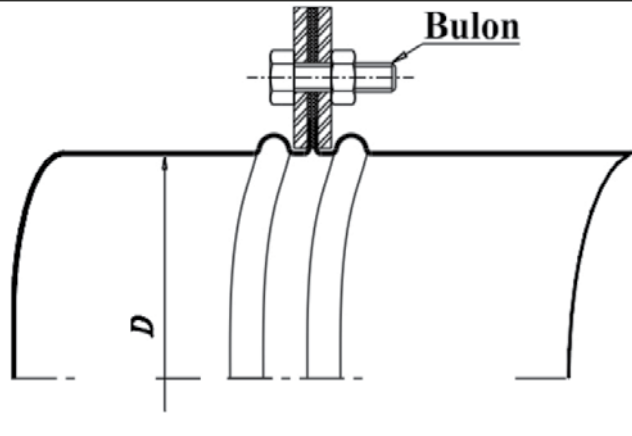
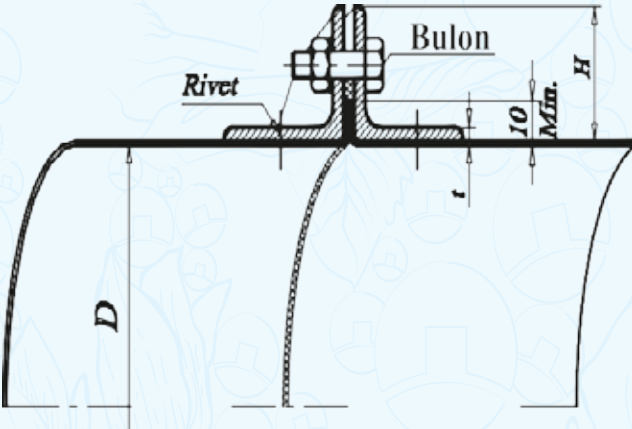
Đường kính danh nghĩa (mm)	Độ dày vật liệu chế tạo theo áp suất (mm)	
	Áp suất thấp và trung bình	Áp suất cao
90	0.58	0.75
100		
125		
150		
160		
200		
250	0.75	
300		
350		
400		
450		
500		
550		0.95
600		
650		
700		
750		
800		
850	0.95	1.15
900		
950		
1000		
1100	1.15	
1200		
1300		
1400		
1500		

- Độ dày tôn có thể thay đổi theo yêu cầu công trình.
- Đường kính ống phụ thuộc vào khuôn mẫu của nhà sản xuất.
- Đường kính danh nghĩa phụ thuộc vào kích thước khuôn nhà sản xuất đang

MỐI GHÉP DỌC

Tên mối ghép	Sơ đồ ghép	Ứng dụng
Mối ghép tán		Ghép cạnh dọc
Mối ghép hàn		Ghép cạnh dọc
Mối ghép ống xoắn		Dùng cho ống tròn xoắn

MỐI GHÉP NGANG

Tên mối ghép	Sơ đồ ghép	Ứng dụng		Loại ống tròn
		Đường kính tối đa	Loại áp suất	
Mối ghép măng sông		800	* Thấp * Trung bình * Cao	* Tròn trơn * Tròn xoắn
Mối ghép bích		1500	* Thấp * Trung bình * Cao	* Tròn trơn
Mối ghép thép góc		1600	* Thấp * Trung bình * Cao	* Tròn trơn

- Kích thước ghi trong bảng được tính bằng mm.
- Khoảng cách giữa các rivet tối đa = 150 mm.
- Khoảng cách giữa các bulong của mối ghép thép góc tối đa = 300mm.
- Mối ghép bích và thép góc chỉ sử dụng cho các ống hút bụi, ống khói có độ dày vật liệu chế tạo > 1.6mm.



IV. SẢN PHẨM ỐNG GIÓ TRÒN

1. ỐNG TRÒN THẲNG

THÔNG TIN SẢN PHẨM:

Mã hiệu TRT/TRX – DxL

(1) (2)

(1) TRX - Ống gió tròn xoắn.

TRT - Ống gió tròn trơn.

(2) D: đường kính ống; L: Chiều dài ống

Ví dụ: TRX - D200xL5000

Ống tròn xoắn đường kính 200mm, chiều dài 5000 mm

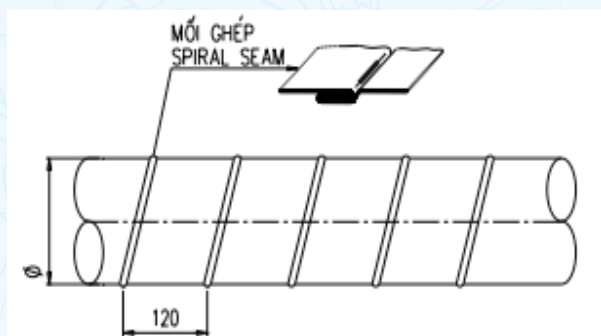
VẬT LIỆU:

Thân: Tôn tráng kẽm / Inox SUS 201, 304

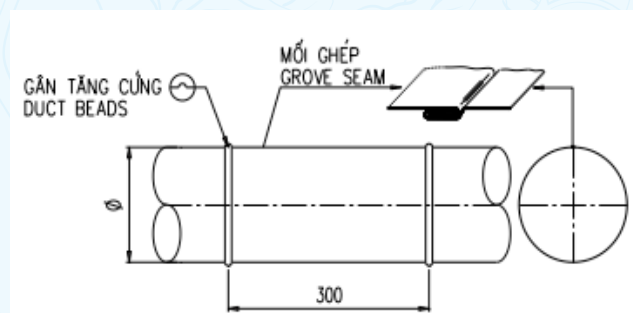
Độ dày (mm): 0.58/ 0.75/ 0.95/ 1.15

ỨNG DỤNG:

Ống dẫn chính trong hệ ống gió tròn, thường sử dụng nhiều trong các dự án công nghiệp.



Ống tròn xoắn



Ống tròn trơn



2. Y, TÊ TRÒN

THÔNG TIN SẢN PHẨM:

Mã hiệu TRY/T - D - L - d

(1) (2)

(1) TRY/T: Y tròn, Tê tròn

(2) D: đường kính ống chính; d: Đường kính ống nhánh; L: chiều dài

Ví dụ: TRY – 200 - L500

Y đều đường kính miệng D 200mm, chiều dài 500mm

VẬT LIỆU:

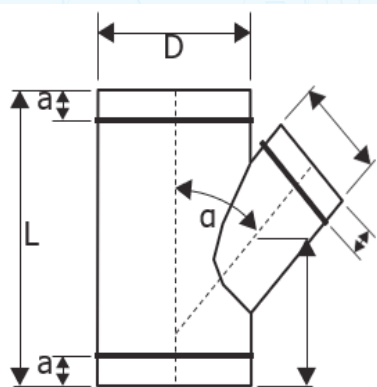
Thân: Tôn tráng kẽm / Inox SUS 201, 304.

Độ dày (mm): 0.58/ 0.75/ 0.95/ 1.15

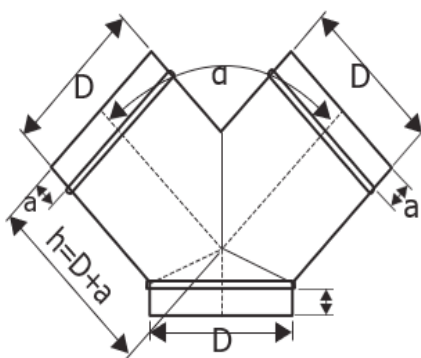
ỨNG DỤNG:

Chuyển hướng đường ống chính ra hai đường ống có tiết diện giống hoặc khác nhau một góc bằng α .

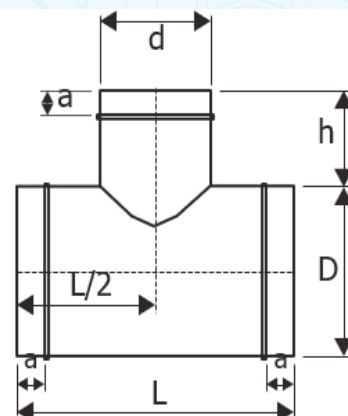
Sản phẩm	Thông số
Y lệch	$a = 30$ $15^\circ \leq \alpha \leq 90^\circ$ $L \geq 4d + 60$
Y đều	$a = 30$ $h = D + a$
Tê	$a = 30$ $h = d$ $L \geq 2d + 60$



Bản vẽ chạc Y lệch



Bản vẽ chạc Y đều



Bản vẽ chạc T

3. GIẢM TRÒN

THÔNG TIN SẢN PHẨM:



Mã hiệu TRG - D - d - L

(1) (2)

(1) TRG: Giảm tròn

(2) D: đường kính ống lớn; d: Đường kính ống nhỏ; L: chiều dài

Ví dụ: TRG – D300 – d200 - L500

Giảm tròn đều D 300mm, d 200mm chiều dài 500mm

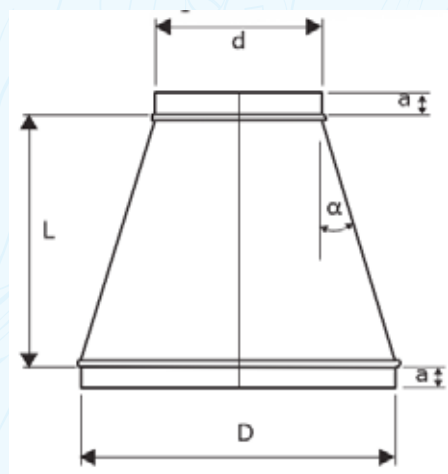
VẬT LIỆU:

Thân: Tôn tráng kẽm / Inox SUS 201, 304.

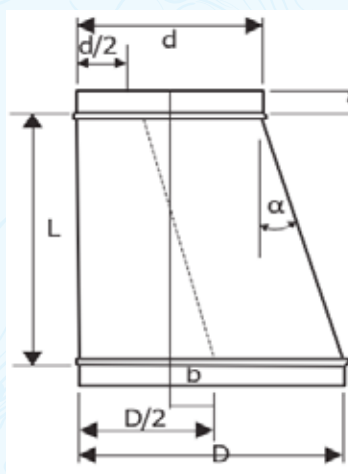
Độ dày (mm): 0.58/ 0.75/ 0.95/ 1.15

ỨNG DỤNG:

Kết nối đường ống tiết diện khác nhau trên cùng một phương trong trường hợp cần thay đổi lưu lượng, áp suất và vận tốc gió.



Giảm tròn đều



Giảm tròn lệch

Sản phẩm	Thông số
Giảm đều	$a = 50$ $A \leq 15^\circ$ $L \geq 120 + 2(D-d)$
Giảm lệch	$a = 50$ $A \leq 30^\circ$ $L \geq 120 + 4b$

4. CO TRÒN

THÔNG TIN SẢN PHẨM:

Mã hiệu TRC- α - DxR - L

(1) (2)

(1) TRC: Co tròn. " α ": Góc uốn cong.

(2) D: đường kính ống; R: bán kính ống; L: chiều dài

Ví dụ: TRC - 90 - D200 x R100 - L500

Co tròn 90 độ, đường kính miệng D 200mm, chiều dài 500mm

VẬT LIỆU:

Thân: Tôn tráng kẽm / Inox SUS 201, 304.

Độ dày (mm): 0.58/ 0.75/ 0.95/ 1.15

ỨNG DỤNG:

Chuyển hướng đường ống gió tròn một góc bằng α .



5. LỰƠN ỐNG GIÓ TRÒN

THÔNG TIN SẢN PHẨM:

Mã hiệu TRL - D - L - E

(1) (2)

(1) TRL: Ống lượn tròn

(2) D: đường kính ống; L: chiều dài, E: độ lệch tâm

Ví dụ: TRL - D200 - L500 - E50

Lượn tròn, đường kính miệng D 200mm, chiều dài 500mm, lệch 50 mm.

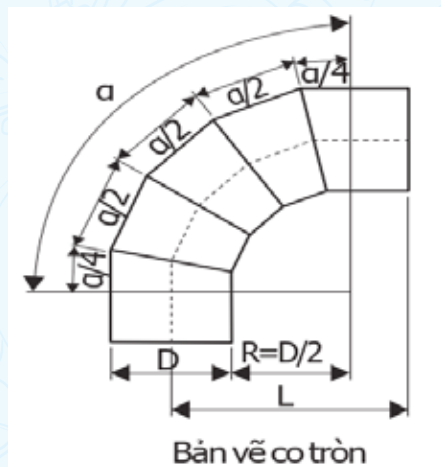
VẬT LIỆU:

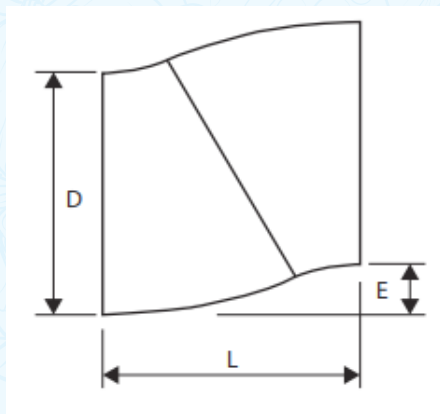
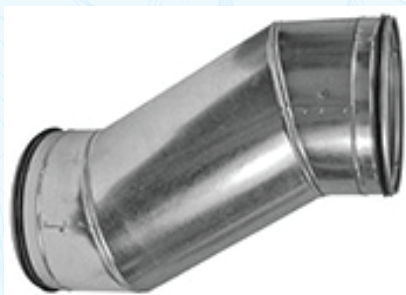
Thân: Tôn tráng kẽm / Inox SUS 201, 304.

Độ dày (mm): 0.58/ 0.75/ 0.95/ 1.15

ỨNG DỤNG:

Thay đổi cao độ hai đường ống trên cùng một phương.





ỐNG TIÊU ÂM

1. ỐNG TIÊU ÂM VUÔNG

THÔNG TIN SẢN PHẨM:

Mã hiệu CNTA - WxH - L - A - C /TDF/V

(1) (2) (3)

(1) CNTA: Tiêu âm chữ nhật

(2) W: chiều rộng; H: chiều cao, L: chiều dài, A: độ dày tiêu âm

(3) Mối ghép kết nối ống

Ví dụ: CNTA - 60 x450 - L800 - 50 - TDF

Ống tiêu âm vuông, rộng 600mm, cao 500 mm, dài 800mm, độ dày tiêu âm 50 mm, dùng bích TDF để kết nối

VẬT LIỆU:

Thân: Tôn tráng kẽm / Inox SUS 201, 304.

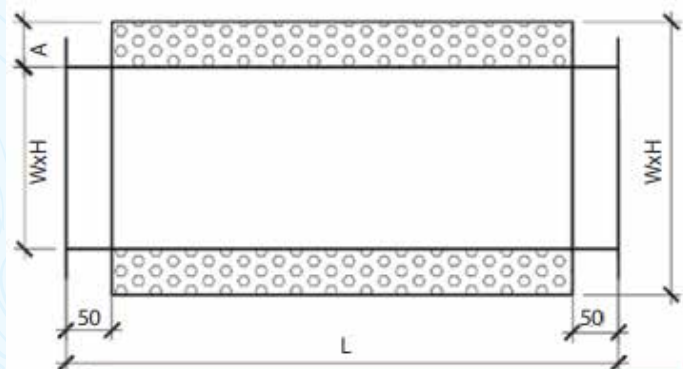
Độ dày (mm): 0.58/ 0.75/ 0.95/ 1.15

Bích: C / TDF / V (theo yêu cầu).

ỨNG DỤNG:

Được sử dụng trong các đường ống truyền tải không khí của hệ thống điều hòa thông gió.

Thường lắp đầu vào/ ra quạt để hấp thụ tiếng ồn.



2. ỐNG TIÊU VÁCH

THÔNG TIN SẢN PHẨM:

Mã hiệu CNTAV - WxH - L - A - C /TDF/V

(1) (2) (3)

(1) CNTAV: Ống chữ nhật tiêu âm vách

(2) W: chiều rộng; H: chiều cao, L: chiều dài, A: độ dày tiêu âm

(3) Mối ghép kết nối ống

Ví dụ: CNTAV - 600x450 - L800 - 50 - TDF

Ống tiêu âm vuông có vách ngăn, rộng 600mm, cao 500 mm, dài 800mm, độ dày tiêu âm 50 mm, dùng bích TDF để kết nối

VẬT LIỆU:

Thân: Tôn tráng kẽm / Inox SUS 201, 304.

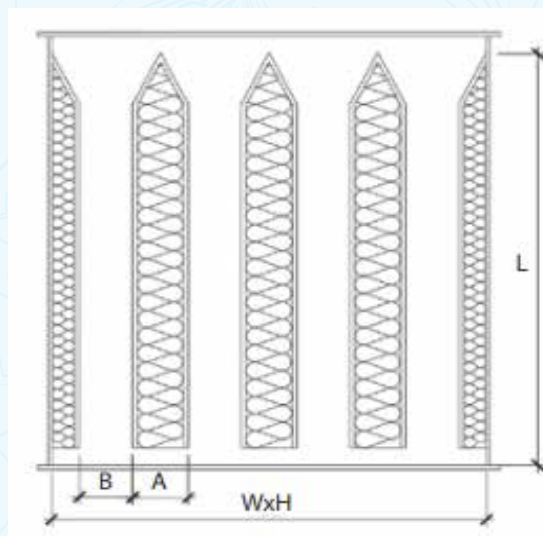
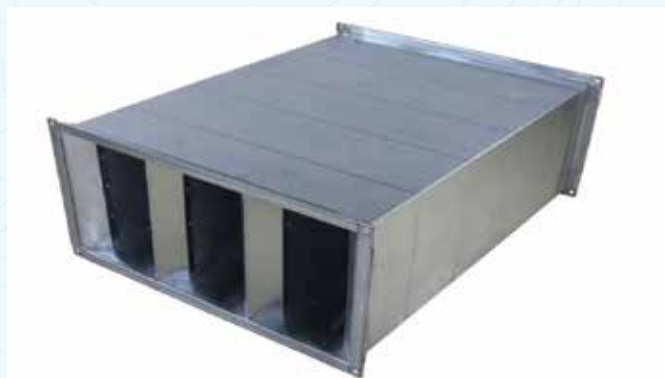
Độ dày (mm): 0.58/ 0.75/ 0.95/ 1.15

Bích: C / TDF / V (theo yêu cầu).

ỨNG DỤNG:

Được sử dụng trong các đường ống truyền tải không khí của hệ thống điều hòa thông gió.

Thường lắp đầu vào/ ra quạt để hấp thụ tiếng ồn.



3. ỐNG TIÊU ÂM TRÒN

THÔNG TIN SẢN PHẨM:

Mã hiệu TRTA - D - L - A

(1) (2)

(1) TRTA: Ống tiêu âm tròn

(2) D: đường kính ống, L: chiều dài, A: độ dày tiêu âm

Ví dụ: TRTA - D400 - L800 - 50

Ống tiêu âm tròn, đường kính 400mm, dài 800mm, độ dày tiêu âm 50 mm

VẬT LIỆU:

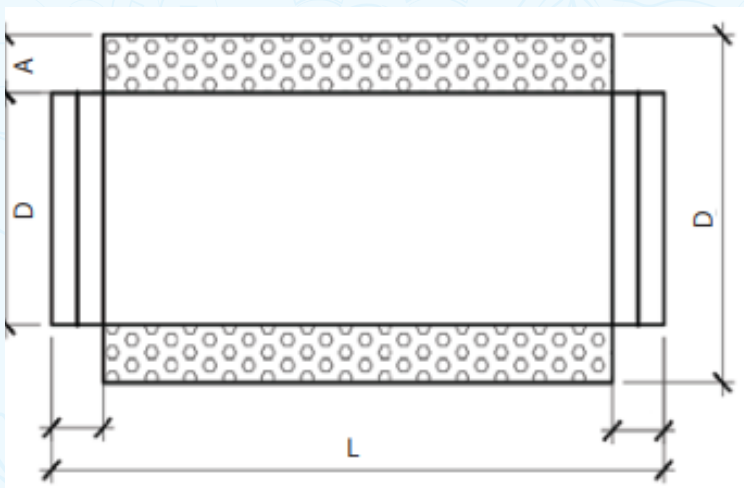
Thân: Tôn tráng kẽm / Inox SUS 201, 304.

Độ dày: 0.58mm/ 0.75mm/ 0.95mm/ 1.15mm

ỨNG DỤNG:

Được sử dụng trong các đường ống truyền tải không khí của hệ thống điều hòa thông gió.

Thường lắp đầu vào/ ra quạt để hấp thụ tiếng ồn.





1. VAN GIÓ TAY GẠT, TAY VẶN.

THÔNG TIN SẢN PHẨM:



Mã hiệu S*VCD - G/V - WxH - L200 -C/TDF/V

(1) (2) (3) (4)

(1) S*VCD: Square Volume Controll Damper - Van điều khiển lưu lượng vuông

(2) G: Ký hiệu tay gạt, V là ký hiệu tay vặn

(3) W: chiều rộng, H: chiều cao, L: chiều dài

(4) Kiểu bích kết nối

Ví dụ: S*VCD - G - 500x500 - L200 - TDF

Van điều khiển lưu lượng vuông tay gạt, kích thước 500x500, chiều dài thân van L 200 mm.
Kết nối bằng bích TDF.

VẬT LIỆU:

Thân: Tôn tráng kẽm / Inox SUS 201, 304.

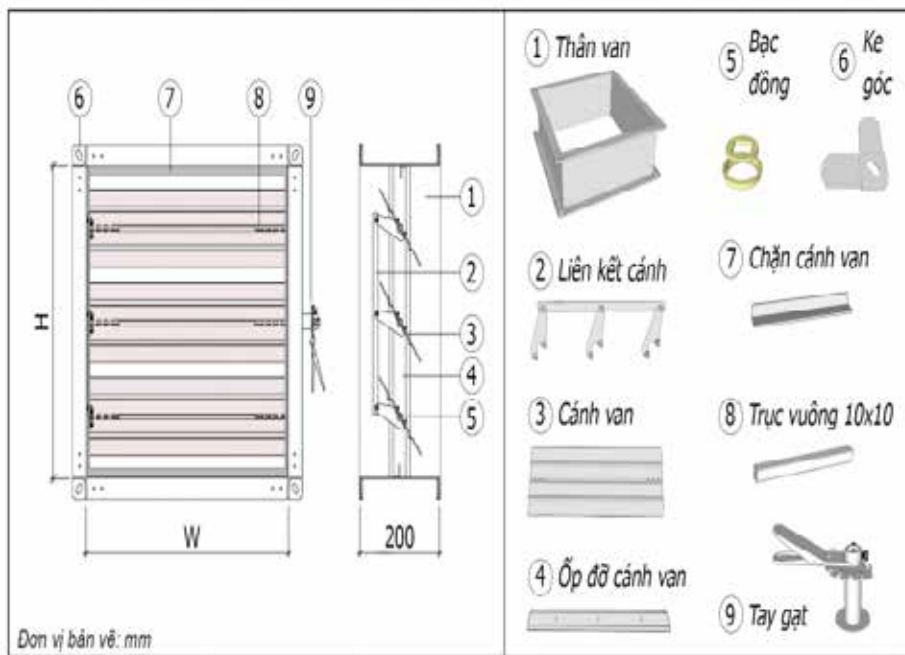
Độ dày: 0.58mm/ 0.75mm/ 0.95mm/ 1.15mm

ỨNG DỤNG:

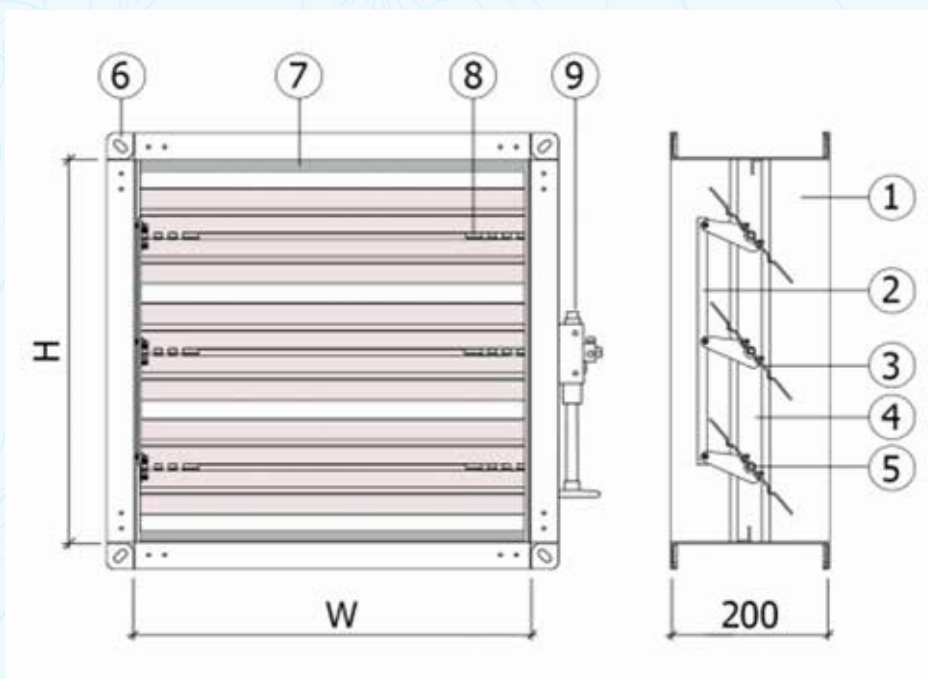
Gạt hoặc vặn tay van để cố định cánh van ở vị trí cần thiết, điều chỉnh lưu lượng gió theo nhu cầu sử dụng.

Kích thước VCD	Độ dày tôn	Kết nối
500 >	0.75	TDF
-1000 500	0.95	TDF
1000<	1.15	TDF

BẢN VẼ CHI TIẾT VAN ĐIỀU CHỈNH LƯU LƯỢNG TAY GẠT:



BẢN VẼ CHI TIẾT VAN ĐIỀU CHỈNH LƯU LƯỢNG TAY VẶN:



2. VAN GIÓ TAY GẠT - CẦU CHÌ

THÔNG TIN SẢN PHẨM:

Mã hiệu S*VCD - F - WxH - L200 - CTDF/V

(1) (2) (3) (4)

(1) S*VCD: Square Volume Controll Damper - Van điều khiển lưu lượng vuông

(2) Fulse: cầu chì

(3) W: chiều rộng, H: chiều cao, L: chiều dài

(4) Kiểu bích kết nối

Ví dụ: S-VCD F 500x500, L200 TDF

Van điều khiển lưu lượng vuông tay gạt cầu chì, kích thước 500x500, chiều dài thân van L 200 mm. Kết nối bằng bích TDF.

VẬT LIỆU:

Thân: Tôn tráng kẽm / Inox SUS 201, 304. Độ dày: 0.58mm/ 0.75mm/ 0.95mm/ 1.15mm

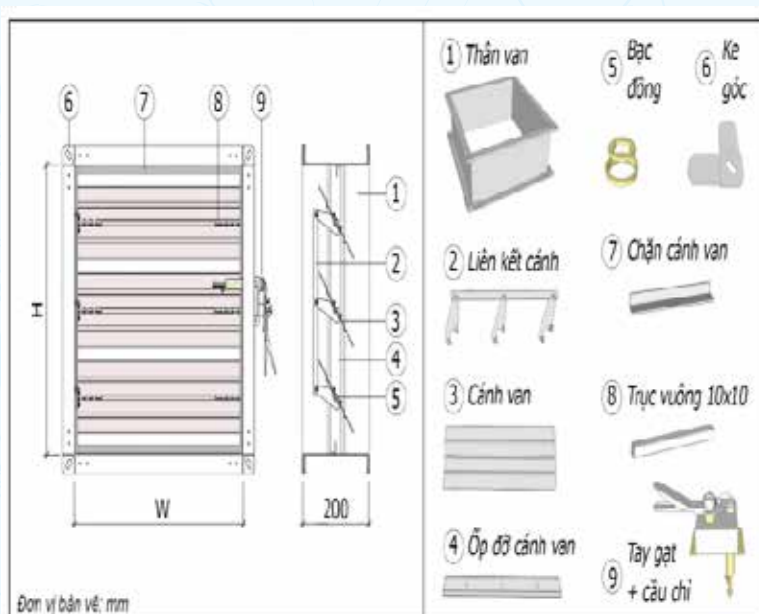
ỨNG DỤNG:

Vận tay van để cố định cánh van ở vị trí cần thiết, điều chỉnh lưu lượng gió theo nhu cầu sử dụng.

Trên tay van có gắn kèm cầu chì nhiệt. Cánh van sập tự động khi cầu chì đứt ở nhiệt độ 74 độ C.



BẢN VẼ CHI TIẾT VAN ĐIỀU CHỈNH LƯU LƯỢNG TAY VẶN:



- 1: Thân van
- 2: Liên kết cánh
- 3: Cánh van
- 4: Ốp đỡ cánh van
- 5: Bạc đồng
- 6: Ke góc
- 7: Chặn cánh van
- 8: Trục vuông 10x10
- 9: Tay gạt cầu chì

3. VAN GIÓ 1 CHIỀU

THÔNG TIN SẢN PHẨM:

Mã hiệu S*NRD - WxH - L200 - C/TDF/V

(1) (2) (3)

(1) S*NRD: Square Non Return Damper - Van điều khiển lưu lượng vuông một chiều

(2) W: chiều rộng, H: chiều cao, L: chiều dài

(3) Kiểu bích kết nối

Ví dụ: S*NRD - 500x500 - L200 - TDF

Van điều khiển lưu lượng vuông 1 chiều, kích thước 500x500, chiều dài thân van L 200 mm. Kết nối bằng bích TDF.

VẬT LIỆU:

Thân: Tôn tráng kẽm / Inox SUS 201, 304.

Độ dày: 0.58mm/ 0.75mm/ 0.95mm/ 1.15mm

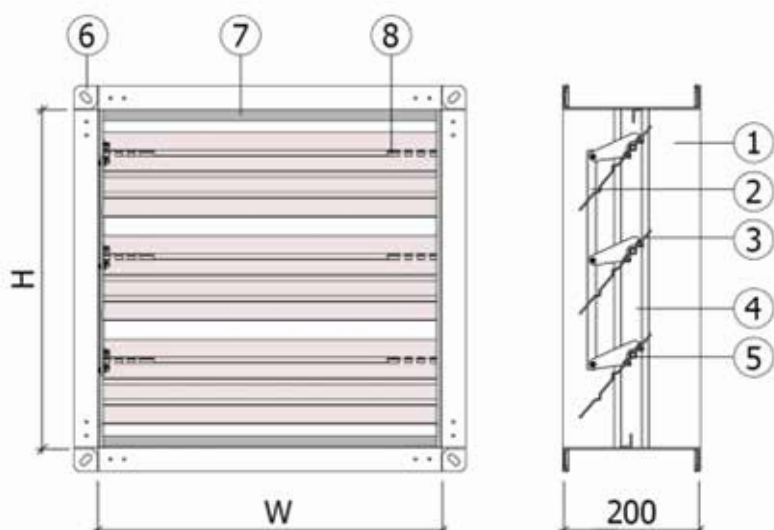
ỨNG DỤNG:

Van gió 1 chiều được sử dụng cho việc đóng mở tự động đường ống gió trong hệ thống thông gió dựa trên nguyên tắc tự cân bằng áp suất.

Đối với hệ thống quạt lắp song song, chung một đường ống gió, van 1 chiều giúp cho việc chống thổi ngược khi quạt dừng hoạt động.



BẢN VẼ CHI TIẾT VAN GIÓ 1 CHIỀU:



- 1: Thân van
- 2: Liên kết cánh
- 3: Cánh van
- 4: Ốp đỡ cánh van
- 5: Bạc nhựa
- 6: Ke góc
- 7: Chặn cánh van
- 8: Trục vuông 10x10

4. VAN ÁP SUẤT/ XẢ ÁP

THÔNG TIN SẢN PHẨM:

Mã hiệu S*PRD - WxH - L200 - C/TDF/V

(1) (2) (3)

(1) S*PRD: Square - Pressure Relief Damper - Van áp suất vuông

(2) W: chiều rộng, H: chiều cao, L: chiều dài

(3) Kiểu bích kết nối

Ví dụ: S*PRD 500x500, L200 TDF

Van xả áp vuông, kích thước 500x500, chiều dài thân van L 200 mm. Kết nối bằng bích TDF.

VẬT LIỆU:

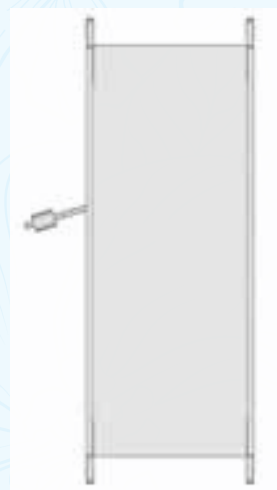
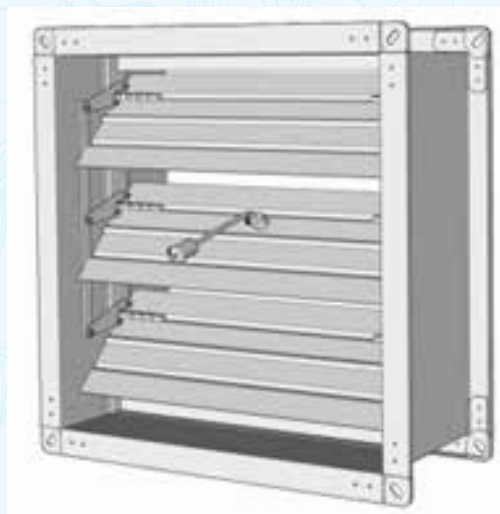
Thân: Tôn tráng kẽm / Inox SUS 201, 304.

Độ dày: 0.58mm/ 0.75mm/ 0.95mm/ 1.15mm

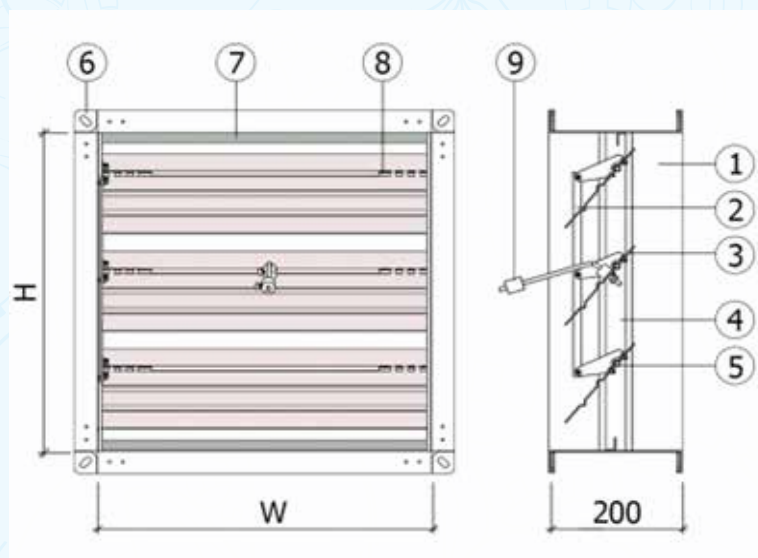
ỨNG DỤNG:

Van áp suất được thiết kế để cân bằng lại áp suất trong một khu vực nhất định như: buồng thang bộ, phòng điều hành,... hoặc kiểm soát chênh lệch áp suất giữa các khu vực.

Áp suất dư được cánh van điều chỉnh tự động nhờ vào quả đối trọng được thiết kế trên cánh van với đối trọng tiêu chuẩn, cánh van tự động đóng mở khi $P_{max} = 20-50$ pa.



BẢN VẼ CHI TIẾT VAN GIÓ XẢ ÁP TỰ ĐỘNG:



- 1: Thân van
- 2: Liên kết cánh
- 3: Cánh van
- 4: Ốp đỡ cánh van
- 5: Bạc nhựa
- 6: Ke góc
- 7: Chặn cánh van
- 8: Trụ vuông 10x10
- 9: Đối trọng 50 pa

5. VAN CHẶN LỬA, CHẶN KHÓI

THÔNG TIN SẢN PHẨM:

Mã hiệu S*FD - WxH - L200 - C/TDF/V

(1) (2) (3)

(1) S*FD: Square - Fire Damper - Van chặn lửa vuông

(2) W: chiều rộng, H: chiều cao, L: chiều dài

(3) Kiểu bích kết nối

Ví dụ: S*FD - 500x500 - L200 -TDF

Van chặn lửa vuông, kích thước 500x500, chiều dài thân van L 200 mm. Kết nối bằng bích TDF.

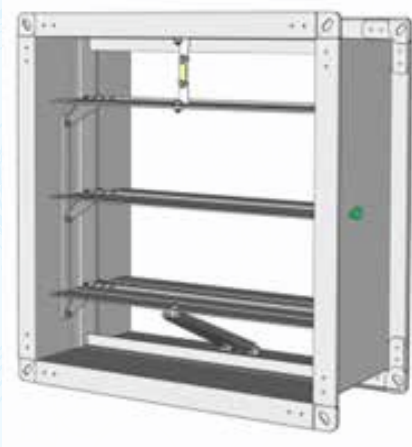
VẬT LIỆU:

Thân: Tôn tráng kẽm / Inox SUS 201, 304.

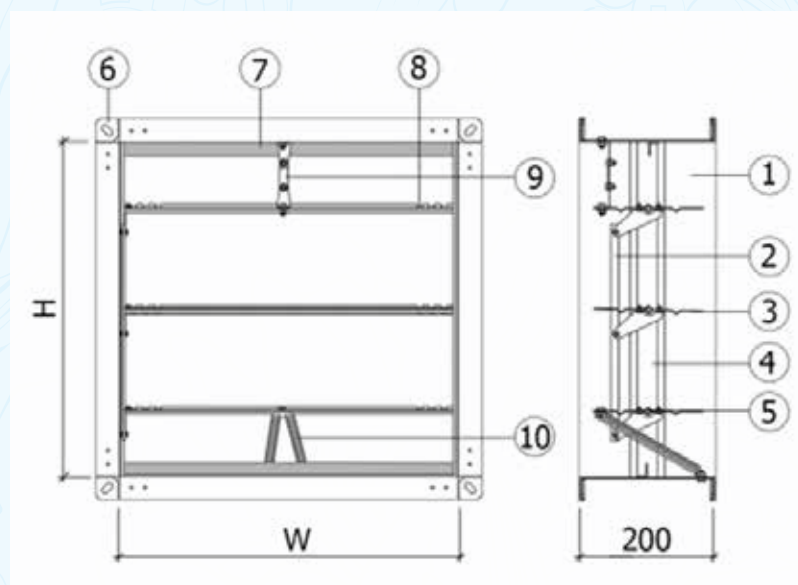
Độ dày: 0.58mm/ 0.75mm/ 0.95mm/ 1.15mm

ỨNG DỤNG:

Van dập lửa được lắp để phòng chống sự lan tỏa của lửa/ khói trong đường ống gió tại vị trí đường ống xuyên tường hoặc xuyên sàn. Khi nhiệt độ luồng gió tăng cao, van dập lửa sẽ đóng lại để chống ngọn lửa cháy lan. Khi nhiệt độ vượt quá 74 độ C cầu chì sẽ chảy ra, lò xo kéo làm đóng cánh van để chống ngọn lửa cháy lan thông qua các cánh van.



BẢN VẼ CHI TIẾT VAN CHẶN LỬA:



- 1: Thân van
- 2: Liên kết cánh
- 3: Cánh van
- 4: Ốp đỡ cánh van
- 5: Bạc đồng
- 6: Ke góc
- 7: Chặn cánh van
- 8: Trục vuông 10x10
- 9: Cầu chì
- 10: Lò xo kéo

6. VAN ĐỘNG CƠ (CHẶN LỬA- CHẶN KHÓI)

THÔNG TIN SẢN PHẨM:

Mã hiệu S*MD - WxH - L200 -C/TDF/V

(1) (2) (3)

(1) S*MD: Square Motorized Damper - Van chặn lửa vuông động cơ

(2) W: chiều rộng, H: chiều cao, L: chiều dài

(3) Kiểu bích kết nối

Ví dụ: S*MD - 500x500 - L200 - TDF

Van chặn lửa động cơ vuông, kích thước 500x500, chiều dài thân van L 200 mm. Kết nối bằng bích TDF.

VẬT LIỆU:

Thân: Tôn tráng kẽm / Inox SUS 201, 304.

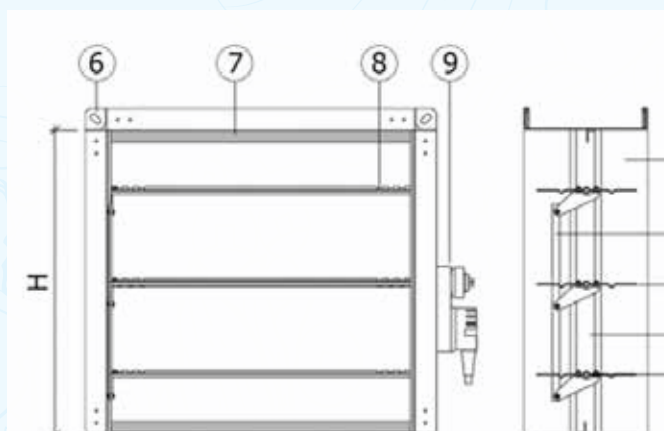
Độ dày: 0.58mm/ 0.75mm/ 0.95mm/ 1.15mm

ỨNG DỤNG:

Van chặn lửa, chặn khói gắn kèm động cơ nhận tín hiệu từ tủ PLC, tín hiệu BMS thông qua cảm biến khói, cảm biến nhiệt độ,... sau đó cấp nguồn đến động cơ.



BẢN VẼ CHI TIẾT VAN GẮN KÈM ĐỘNG CƠ:



- 1: Thân van
- 2: Liên kết cánh
- 3: Cánh van
- 4: Ốp đỡ cánh van
- 5: Bạc đồng
- 6: Ke góc
- 7: Chặn cánh van
- 8: Trục vuông 10x10
- 9: Động cơ điện

7. VAN ĐIỀU CHỈNH LƯU LƯỢNG VUÔNG



THÔNG TIN SẢN PHẨM:

Mã hiệu S*OBD - G/V - WxH - L200

(1) (2) (3)

(1) S*OBD: Square Opposed Balde Damper - Van điều khiển lưu lượng vuông

(2) G: Ký hiệu tay gạt, V là ký hiệu tay vặn

(3) W: chiều rộng, H: chiều cao, L: chiều dài

(4) Kiểu bích kết nối

Ví dụ: S*OBD - G - 500x500 - L200

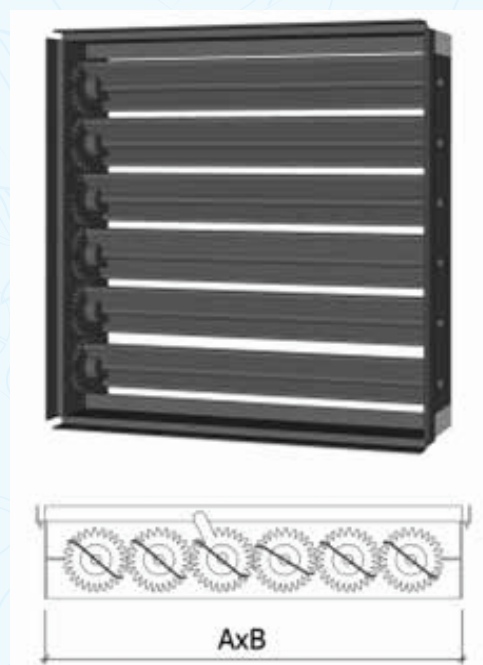
Van điều khiển lưu lượng vuông tay gạt, kích thước 500x500, chiều dài thân van L 200 mm.

VẬT LIỆU:

Thân: Tôn tráng kẽm / Inox SUS 201, 304. Độ dày: 0.58mm/ 0.75mm/ 0.95mm/ 1.15mm

ỨNG DỤNG:

Điều chỉnh gió qua miệng gió





VII. VAN TRÒN

1. VAN GIÓ TAY GẠT, TAY VẶN TRÒN

THÔNG TIN SẢN PHẨM:

Mã hiệu R*VCD - G/V - D x L

(1) (2) (3)

(1) R*VCD: Round Volume Control Damper - Van điều khiển lưu lượng tròn

(2) G: Kí hiệu tay gạt, V là ký hiệu tay vặn

(3) D: Đường kính van, L: chiều dài thân van

Ví dụ: R*VCD - G - 200 x L200

Van điều khiển lưu lượng tròn tay gạt, đường kính D200, chiều dài thân van L 200 mm.

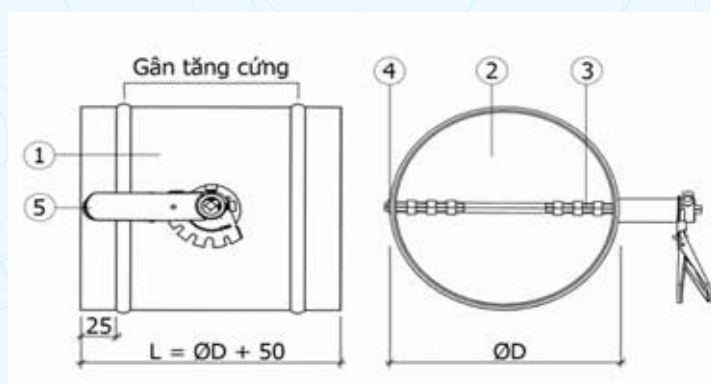
VẬT LIỆU:

Thân: Tôn tráng kẽm / Inox SUS 201, 304.

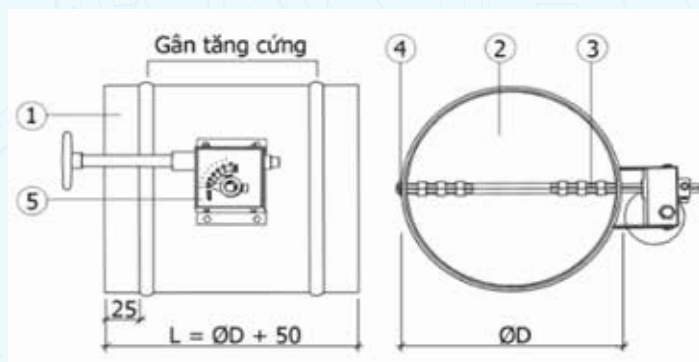
Độ dày: 0.58mm/ 0.75mm/ 0.95mm/ 1.15mm

ỨNG DỤNG:

Gạt hoặc vặn tay van để điều chỉnh lưu lượng gió theo nhu cầu sử dụng.



- 1: Thân van
- 2: Cánh van
- 3: Trục vuông 10x10
- 4: Bạc đồng
- 5: Cơ cấu tay gạt



- 1: Thân van
- 2: Cánh van
- 3: Trục vuông 10x10
- 4: Bạc đồng
- 5: Cơ cấu tay vặn

2. VAN GIÓ TAY GẠT CẦU CHÌ

THÔNG TIN SẢN PHẨM:

Mã hiệu R*VCD - F - D x L

(1) (2) (3)

(1) R*VCD: Round Volume Controll Damper - Van điều khiển lưu lượng tròn

(2) Fulse: cầu chì

(3) D: Đường kính van, L: chiều dài thân van

Ví dụ: R*VCD - F - 200 x L200

Van điều khiển lưu lượng tròn tay gạt cầu chì, đường kính D 200mm, chiều dài thân van L 200 mm.

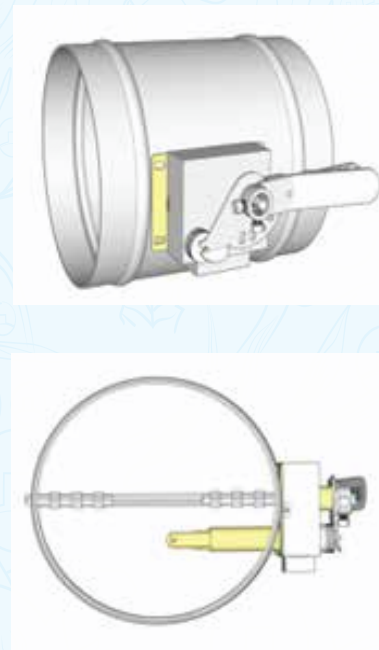
VẬT LIỆU:

Thân: Tôn tráng kẽm / Inox SUS 201, 304.

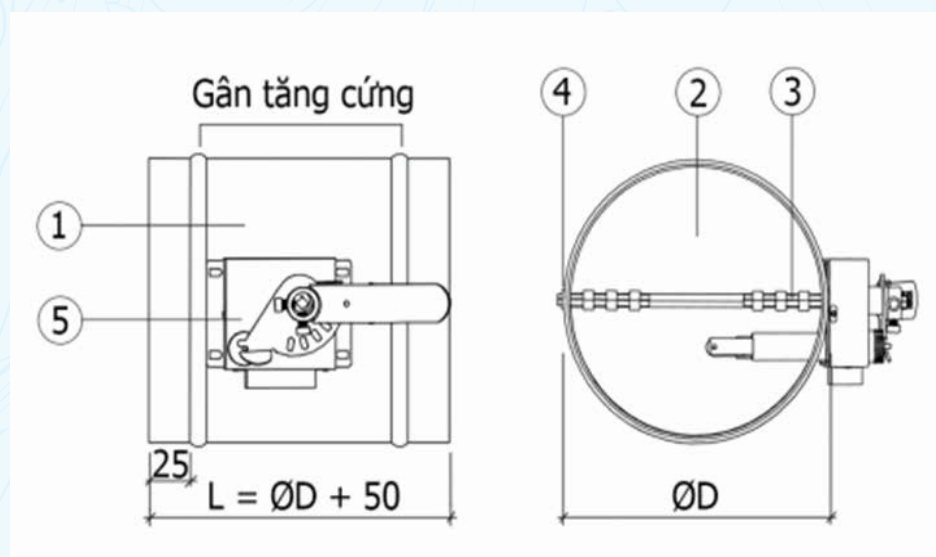
Độ dày: 0.58mm/ 0.75mm/ 0.95mm/ 1.15mm

ỨNG DỤNG:

Ngoài chức năng đóng - mở, điều chỉnh lưu lượng gió trong đường ống, van 2 trong 1 kết hợp cầu chì 74 độ C, khi nhiệt độ môi trường tăng lên ngưỡng 70-75 độ C thì cầu chì đứt, lò xo kéo làm đóng cánh van để nguồn cháy cũng như khói không lan sang hệ thống thông gió và vùng khác.



BẢN VẼ CHI TIẾT VAN GIÓ TAY GẠT - CẦU CHÌ:



- 1: Thân van
- 2: Cánh van
- 3: Trục vuông 10x10
- 4: Bạc đồng
- 5: Cơ cấu tay gạt cầu chì

3. VAN GIÓ 1 CHIỀU

THÔNG TIN SẢN PHẨM:

Mã hiệu R*NRD - D x L

(1) (2)

(1) R*NRD: Round Non Return Damper - Van điều khiển lưu lượng tròn một chiều

(2) D: Đường kính van, L: chiều dài thân van

Ví dụ: R-NRD 500, L500

Van điều khiển lưu lượng tròn 1 chiều, đường kính D 500, chiều dài thân van L 500 mm.

VẬT LIỆU:

Thân: Tôn tráng kẽm / Inox SUS 201, 304.

Độ dày: 0.58mm/ 0.75mm/ 0.95mm/ 1.15mm

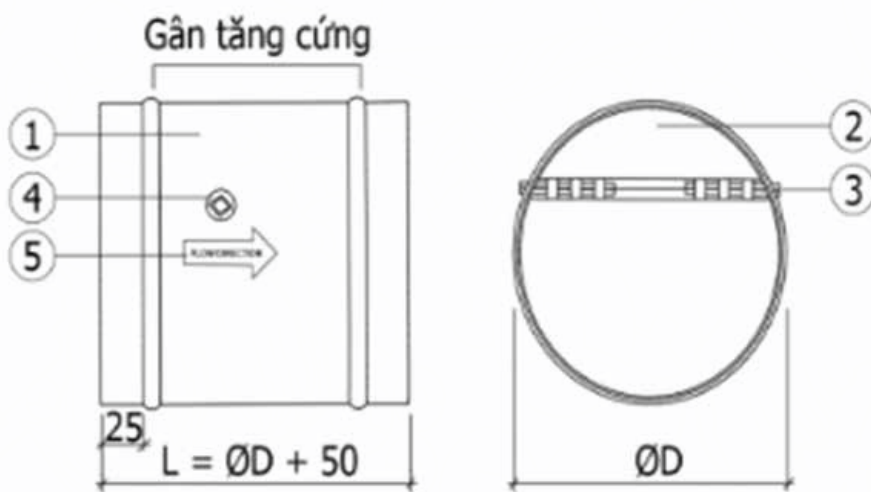
ỨNG DỤNG:

Van gió 1 chiều được sử dụng cho việc đóng mở tự động đường ống gió trong hệ thống thông gió dựa trên nguyên tắc tự cân bằng áp suất.

Đối với hệ thống quạt lắp song song, chung một đường ống gió, van 1 chiều giúp cho việc chống thổi ngược khi quạt dừng hoạt động.



BẢN VẼ CHI TIẾT VAN GIÓ 1 CHIỀU:



- 1: Thân van
- 2: Cánh van
- 3: Trục vuông 10x10
- 4: Bạc nhựa
- 5: Tem mũi tên chỉ hướng gió

4. VAN ÁP SUẤT/ XẢ ÁP

THÔNG TIN SẢN PHẨM:

Mã hiệu R*PRD D x L

(1) (2)

(1) R*PRD: Round Pressure Relief Damper Van
điều khiển lưu lượng tròn áp suất

(2) D: Đường kính van, L: chiều dài thân van

Ví dụ: R*PRD 300, L400

Van xả áp tròn, đường kính D 300mm, chiều dài thân van L 400 mm.

VẬT LIỆU:

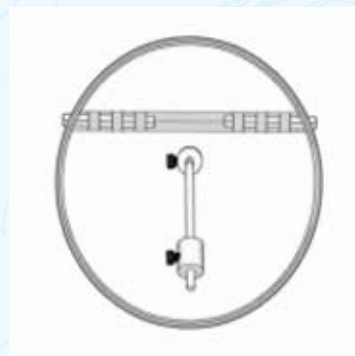
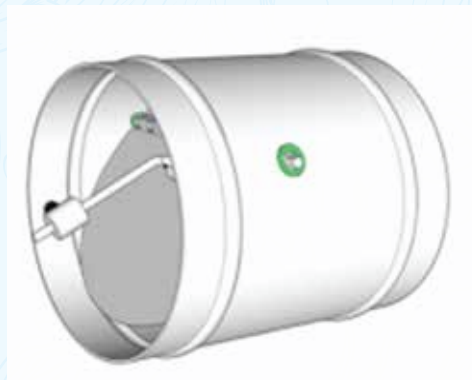
Thân: Tôn tráng kẽm / Inox SUS 201, 304.

Độ dày: 0.58mm/ 0.75mm/ 0.95mm/ 1.15mm

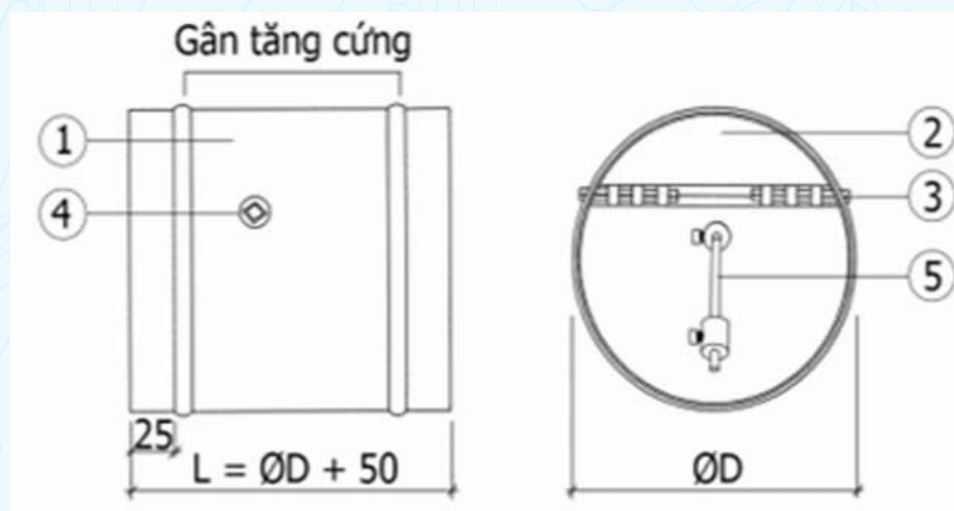
ỨNG DỤNG:

Van áp suất được thiết kế để cân bằng lại áp suất trong 1 khu vực nhất định như: buồng thang bộ, phòng điều hành,... hoặc kiểm soát chênh lệch áp suất giữa các khu vực.

Áp suất dư được cánh van điều chỉnh tự động nhờ vào quả đối trọng được thiết kế trên cánh van với đối trọng tiêu chuẩn, cánh van được tự động đóng mở khi ($P_{max}=20-50pa$).



BẢN VẼ CHI TIẾT VAN GIÓ XẢ ÁP:



5. VAN GIÓ CHẶN LỬA

THÔNG TIN SẢN PHẨM:

Mã hiệu R*FD - D x L

(1) (2)

(1) R*FD: Round Fire Damper - Van chặn lửa tròn

(2) D: Đường kính van, L: chiều dài thân van

Ví dụ: R-FD 350, L400

Van chặn lửa tròn, đường kính D 350mm, chiều dài thân van L 400 mm.

VẬT LIỆU:

Thân: Tôn tráng kẽm / Inox SUS 201, 304.

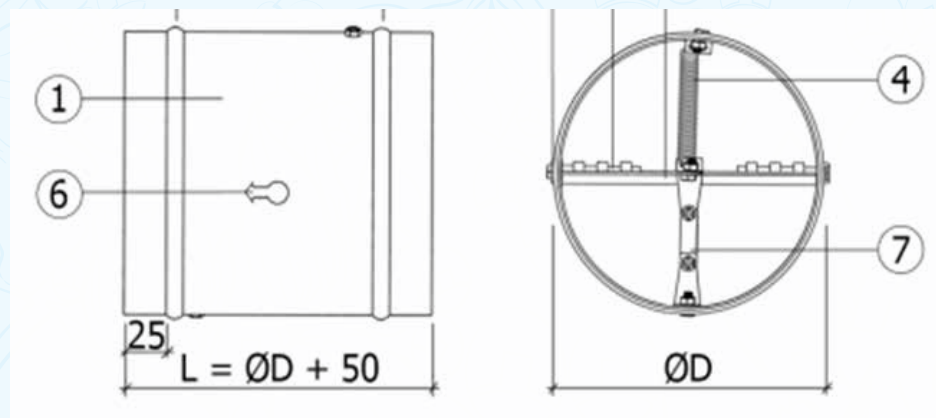
Độ dày: 0.58mm/ 0.75mm/ 0.95mm/ 1.15mm

ỨNG DỤNG:

Khi trên đường ống xảy ra sự cố cháy nổ, nhiệt độ môi trường tăng lên ngưỡng 70-75 độ C thì cầu chì đứt, lò xo kéo làm đóng cánh van để ngăn nguồn cháy cũng như khói không lan sang hệ thống thông gió và vùng khác.



BẢN VẼ CHI TIẾT VAN GIÓ CHẶN LỬA - DÙNG CẦU CHÌ:



- 1: Thân van
- 2: Cánh van
- 3: Trục vuông 10x10
- 4: Lò xo kéo
- 5: Bạc đồng
- 6: Mũi tên chỉ hướng
- 7: Cầu chì

6. VAN ĐỘNG CƠ CHẶN LỬA

THÔNG TIN SẢN PHẨM:

Mã hiệu R*MD - D x L

(1) (2)

(1) R*MD: Round Motorized Damper - Van chặn lửa tròn động cơ

(2) D: Đường kính van, L: chiều dài thân van

Ví dụ: R*MD - 350 - L400

Van chặn lửa động cơ tròn, đường kính D 350mm, chiều dài thân van L 400 mm.

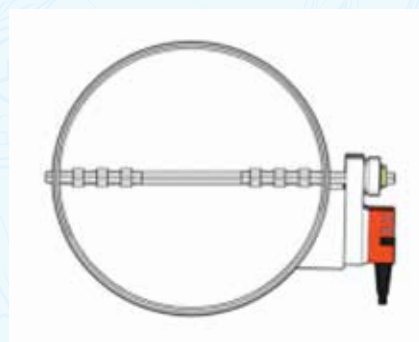
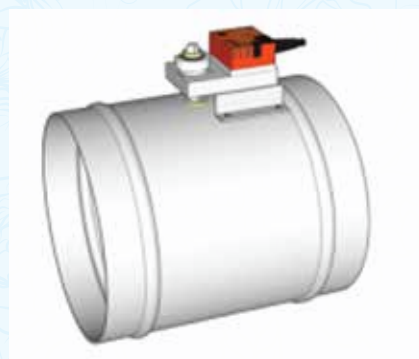
VẬT LIỆU:

Thân: Tôn tráng kẽm / Inox SUS 201, 304.

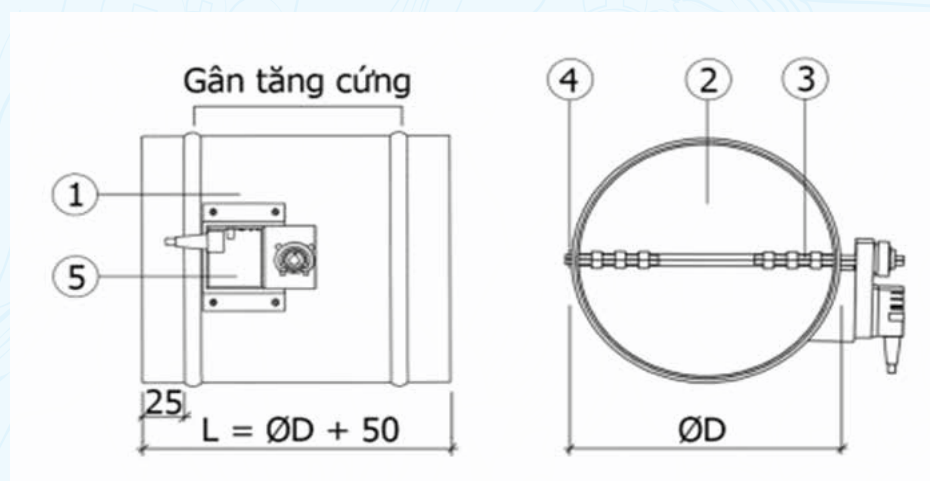
Độ dày: 0.58mm/ 0.75mm/ 0.95mm/ 1.15mm

ỨNG DỤNG:

Khi trên đường ống xảy ra sự cố cháy nổ, thiết bị cảm biến báo hiệu về tủ Phòng cháy chữa cháy, nguồn điện cấp vào động cơ, cánh van tự động đóng lại để ngăn nguồn cháy cũng như khói không lan sang hệ thống thông gió và vùng khác



BẢN VẼ CHI TIẾT VAN GIÓ ĐỘNG CƠ:



- 1: Thân van
- 2: Cánh van
- 3: Trục vuông 10x10
- 4: Bạc đồng
- 5: Động cơ điện

7. VAN ĐIỀU CHỈNH LƯU LƯỢNG TRÒN



OBD / Cánh Bướm



OBD / Cánh Quạt

THÔNG TIN SẢN PHẨM:

Mã hiệu R* OBD - G/V - D, L

(1) (2) (3)

(1) R*OBD: Round Opposed Balde Damper - Van điều khiển lưu lượng vuông

(2) G: Kí hiệu tay gạt, V là ký hiệu tay vặn

(3) D: Đường kính van, L: chiều dài thân van

Ví dụ: R*OBD - G - 500 - L200

Van điều khiển lưu lượng tròn tay gạt, đường kính D 500mm, chiều dài thân van L 200 mm.

VẬT LIỆU:

Thân: Tôn tráng kẽm / Inox SUS 201, 304. Độ dày: 0.58mm/ 0.75mm/ 0.95mm/ 1.15mm

ỨNG DỤNG:

Điều chỉnh gió qua miệng gió.



VIII. MIỆNG GIÓ

1. MIỆNG GIÓ KHÉCH TÁN VUÔNG

THÔNG TIN SẢN PHẨM

Mã hiệu SD - A x B - OBD/F

(1) (2) (3)

(1) SD: Square Diffuser - Miệng gió khuếch tán vuông

(2) A: chiều dài, B: chiều rộng.

(3) OBD: Van điều chỉnh lưu lượng

F: Lưới lọc bụi (G1-G4, F5, F6...) theo tiêu chuẩn EN779-2012

Ví dụ: SD - 500x500 - OBD/G4

Miệng gió khuếch tán vuông kích thước mặt 500x500, kèm van điều chỉnh lưu lượng OBD+ lưới lọc bụi G4.

ĐẶC ĐIỂM SỬ DỤNG.

Được sử dụng làm miệng gió cấp, miệng gió hồi.

Gắn trên trần giả hoặc có thể lắp tự do.

Khung và lõi riêng biệt, dễ tháo lắp và bảo trì.

Tùy theo vị trí lắp đặt mà chọn loại thổi 1, 2, 3 hoặc 4 hướng.

VẬT LIỆU - MÀU SẮC.

Khung miệng được làm từ nhôm định hình dày 1.0-1.2mm.

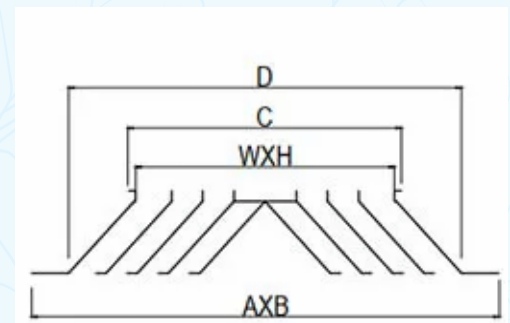
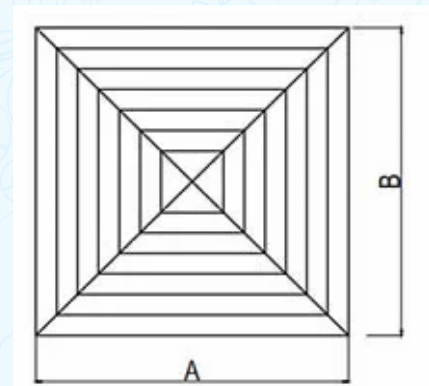
Nan được làm từ nhôm và hợp kim nhôm 0.8-1.0 mm.

Các lớp nan nhôm được thiết kế với các góc nghiêng nhất định để có thể khuếch tán gió theo nhiều hướng khác nhau.

Toàn bộ miệng gió được sơn bằng dây chuyển sơn tĩnh điện theo công nghệ hiện đại, màu sắc đa dạng theo yêu cầu.

KÍCH THƯỚC TIÊU CHUẨN

KT MẶT AxB	KT CỔ WxH	KT HỘP CỬA C: W+10 x H+10	KT LỖ KHOÉT TRẦN D: A-40 x B-40
300x300	150x150	160x160	+OBD
450x450	300x300	310x310	+OBD
600x600	450x450	460x460	+OBD



2. MIỆNG GIÓ KHÉCH TÁN TRÒN

THÔNG TIN SẢN PHẨM

Mã hiệu RD - D - OBD/F

(1) (2) (3)

(1) RD: Round Diffuser - Miệng gió khuếch tán tròn.

(2) D: Đường kính miệng gió.

(3) OBD: Van điều chỉnh lưu lượng

F: Lưới lọc bụi (G1-G4, F5,F6...) theo tiêu chuẩn EN779-2012

Ví dụ: RD - 500 - OBD/G3.

Miệng gió khuếch tán tròn kích thước mặt D500, kèm van điều chỉnh lưu lượng OBD+ lưới lọc bụi G3.

ĐẶC ĐIỂM SỬ DỤNG.

Được sử dụng làm miệng gió cấp.

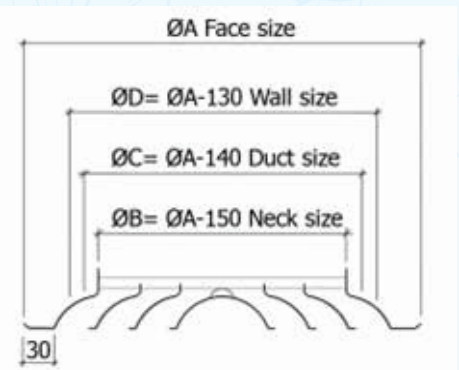
Cửa có thể gắn kèm lưới lọc G2, G3 và hộp gió.

Gắn trên trần giả hoặc có thể lắp tự do.

Khung miệng được làm từ nhôm định hình dày 1.0-1.2mm.

Nan được làm từ nhôm và hợp kim nhôm 0.8-1.0 mm.

Toàn bộ miệng gió được sơn bằng dây chuyền sơn tĩnh điện theo công nghệ hiện đại, màu sắc đa dạng theo yêu cầu.



KÍCH THƯỚC TIÊU CHUẨN

MÃ HIỆU	KT MẶT	KT CỔ	CHIỀU CAO
RD 200	200	98	65
RD 250	250	98	65
RD 300	300	148	65
RD 350	350	198	65
RD 400	400	248	65
RD 450	450	298	65
RD 500	500	348	65
RD 550	550	398	65
RD 600	600	448	65

3. MIỆNG GIÓ NAN LÁ SÁCH

THÔNG TIN SẢN PHẨM

Mã hiệu CBRG - CD/TL - AxB - OBD/F

(1) (2) (3) (4)

(1) CBRG: Curve Blade Return Grille - Miệng gió nan lá sách

(2) CD: loại cố định. TL: loại tháo lắp

(3) A: chiều dài, B chiều rộng

(4) OBD: Van điều chỉnh lưu lượng

F: Lưới lọc bụi (G1-G4, F5,F6...) theo tiêu chuẩn EN779-2012

Ví dụ: CBRG CD 500x500 OBD/G4

Miệng gió nan lá sách loại cố định, kích thước mặt 500x500, kèm van điều chỉnh lưu lượng OBD+ lưới lọc bụi G4.

ĐẶC ĐIỂM SỬ DỤNG.

Được sử dụng để hồi gió hoặc cấp gió.

Gắn trên vách đứng hoặc ống gió.

Thường lắp kèm lưới lọc G2, G3, hộp gió.

Có thể tháo lắp nhờ khung phụ và bản lề hoặc khoá chốt.

VẬT LIỆU - MÀU SẮC.

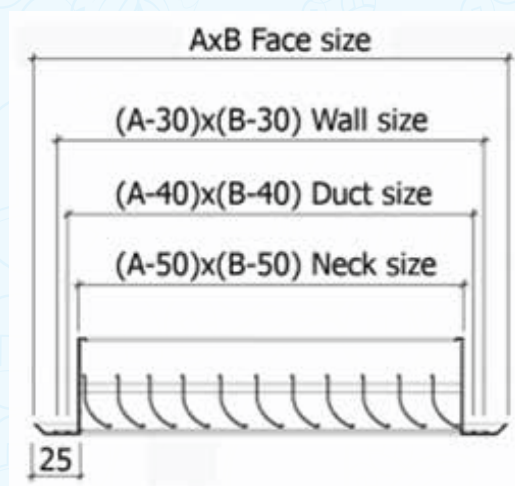
Khung được làm bằng nhôm định hình dày 1.2mm.

Nan được làm bằng nhôm dày 1.0mm.

Kết nối bằng thanh chốt D8.

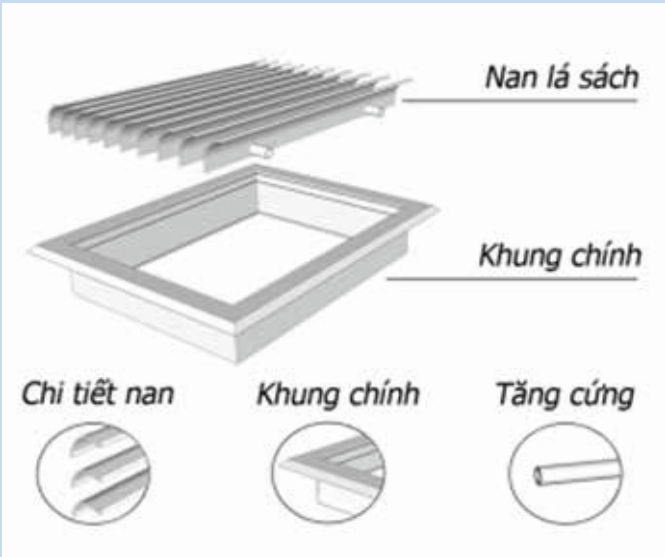
Có một khung bảo ngoài và các cánh có biên dạng chữ C.

Toàn bộ miệng gió được sơn bằng dây chuyển sơn tĩnh điện theo công nghệ hiện đại, màu sắc đa dạng theo yêu cầu.



KÍCH THƯỚC TIÊU CHUẨN: CỬA GIÓ NAN CONG CỐ ĐỊNH

KT MẶT	AxB
KT CỔ	(A-50) x (B-50)
KT HỘP GIÓ	(A-40) x (B-40)
KT LỖ TƯỜNG	(A-30) x (B-30)
VAN ĐCCL	+ OBD
PHIN LỘC	+ F



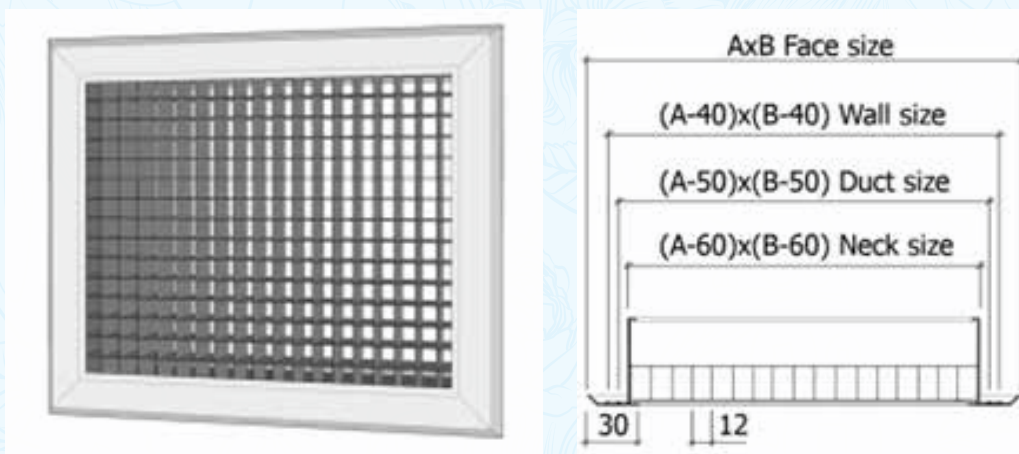
KÍCH THƯỚC TIÊU CHUẨN: CỬA GIÓ NAN CONG THÁO LẮP

KT MẶT	AxB
KT CỔ	(A-50) x (B-50)
KT HỘP GIÓ	(A-40) x (B-40)
KT LỖ TƯỜNG	(A-30) x (B-30)
VAN ĐCCL	+ OBD
PHIN LỘC	+ F



4. MIỆNG GIÓ KIỂU SỌT TRỨNG

THÔNG TIN SẢN PHẨM



Mã hiệu ECG - CD/TL - Ax B - OBD/F

(1) (2) (3) (4)

(1) ECG: Egg Crate Grille - Miệng gió sọt trứng

(2) CD: loại cố định. TL: loại tháo lắp

(3) A: chiều dài, B chiều rộng

(4) OBD: Van điều chỉnh lưu lượng

F: Lưới lọc bụi (G1-G4, F5, F6...) theo tiêu chuẩn EN779-2012

Ví dụ: ECG - TL - 500x500 - OBD/G2

Miệng gió sọt trứng loại tháo lắp, kích thước mặt 500x500, kèm van điều chỉnh lưu lượng OBD + lưới lọc bụi G2.

ĐẶC ĐIỂM SỬ DỤNG.

Được sử dụng để hồi gió.

Gắn trên trần giả, tường hoặc lắp trên miệng gió

Thường lắp kèm van OBD, lưới lọc G2, G3, hộp gió.

Có thể tháo lắp nhờ khung phụ và bản lề.

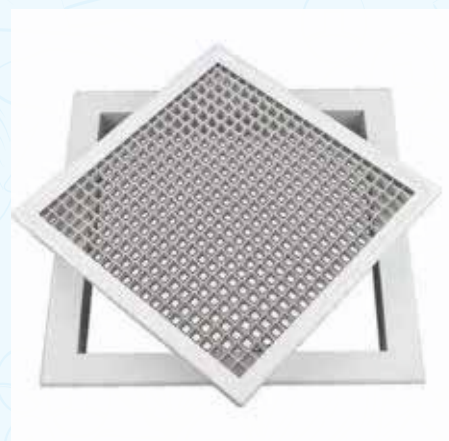
VẬT LIỆU - MÀU SẮC.

Khung được làm bằng nhôm định hình dày 1.0-1.2mm.

Nan được làm bằng nhôm dày 0.6-0.8mm được đan kiểu ô vuông 12x12 mm.

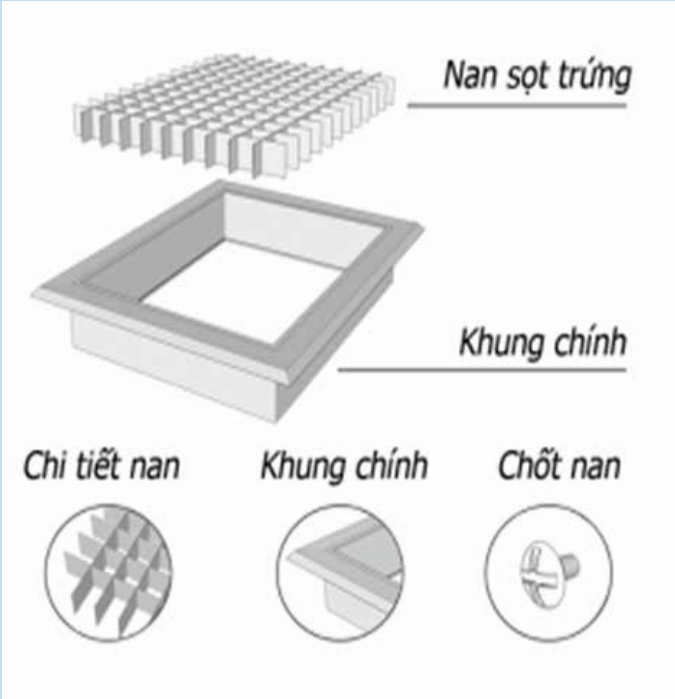
Kết nối bằng vít 4x1mm.

Toàn bộ miệng gió được sơn bằng dây chuyền sơn tĩnh điện theo công nghệ hiện đại, màu sắc đa dạng theo yêu cầu.



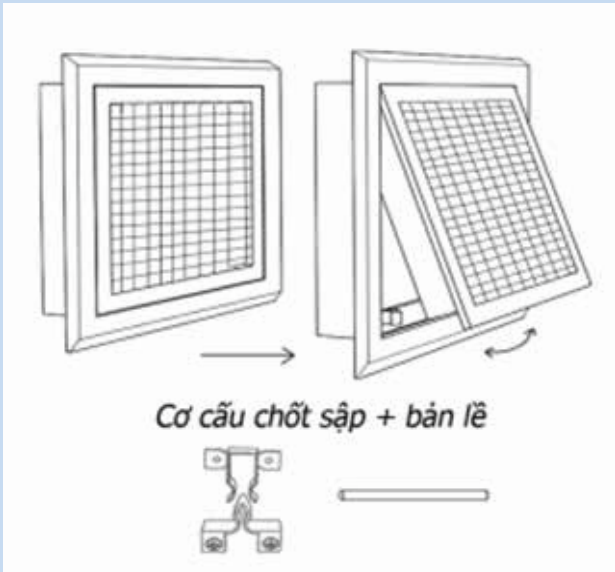
KÍCH THƯỚC TIÊU CHUẨN: CỬA GIÓ SỢT TRÚNG CỐ ĐỊNH.

KT MẶT	AxB
KT CỔ	(A-60) x (B-60)
KT HỘP GIÓ	(A-50) x (B-50)
KT LỖ TƯỜNG	A-40) x (B-40)
VAN ĐCCL	+ OBD
PHIN LỌC	+ F



KÍCH THƯỚC TIÊU CHUẨN: CỬA GIÓ SỢT TRÚNG THÁO LẮP

KT MẶT	AxB
KT CỔ	(A-60) x (B-60)
KT HỘP GIÓ	(A-50) x (B-50)
KT LỖ TƯỜNG	A-40) x (B-40)
VAN ĐCCL	+ OBD
PHIN LỌC	+ F



5. MIỆNG GIÓ BẦU DỤC 1 LỚP NAN

THÔNG TIN SẢN PHẨM

Mã hiệu SAG - AxB - OBD/F

(1) (2) (3)

(1) SAG: Single Air Grille - Miệng gió bầu dục 1 lớp nan

(2) A: chiều dài, B: chiều rộng.

(3) OBD: Van điều chỉnh lưu lượng

F: Lưới lọc bụi (G1-G4, F5, F6...) theo tiêu chuẩn EN779-2012

Ví dụ: SAG - 500x500 - OBD

Miệng gió bầu dục 1 lớp nan, kích thước mặt 500x500, kèm van điều chỉnh lưu lượng OBD.

ĐẶC ĐIỂM SỬ DỤNG.

Được sử dụng để hồi gió, cấp gió.

Gắn trên trần giả, tường hoặc lắp trên ống gió

Thường lắp kèm lưới lọc G2, G3 và hộp gió.

Có thể tháo lắp nhờ khung phụ và bản lề hoặc khoá chốt. Có thể điều chỉnh hướng gió tùy ý.

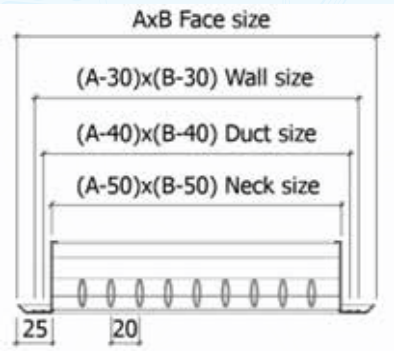
VẬT LIỆU - MÀU SẮC.

Khung được làm bằng nhôm định hình dày 1.0-1.2mm.

Nan được làm bằng nhôm định hình dày 0.8-1.0mm, lắp ngang hoặc lắp dọc.

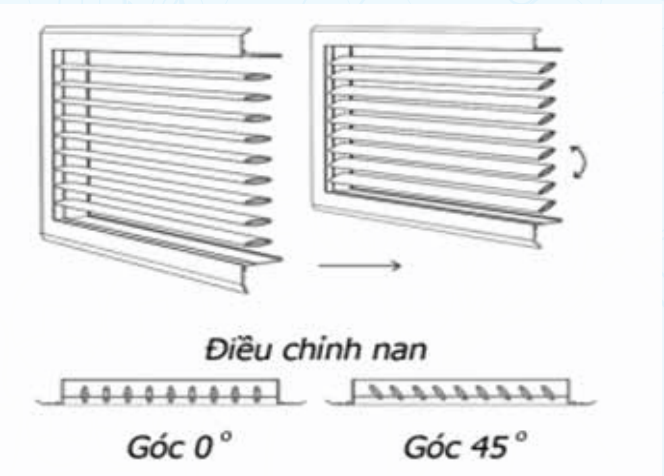
Kết nối bằng vít 4x1 mm hoặc chốt Inox.

Toàn bộ được sơn bằng dây chuyển tĩnh điện theo công nghệ hiện đại, màu sắc theo yêu cầu.



KÍCH THƯỚC TIÊU CHUẨN: CỬA GIÓ 1 LỚP NAN CỐ ĐỊNH

KT MẶT	AxB
KT CỔ	(A-50) x (B-50)
KT HỘP GIÓ	(A-40) x (B-40)
KT LỖ TƯỜNG	(A-30) x (B-30)
VAN ĐCLL	+ OBD
PHIN LỌC	+ F



6. MIỆNG GIÓ BẦU DỤC 2 LỚP NAN

THÔNG TIN SẢN PHẨM

Mã hiệu DDG - CD/TL - AxB - OBD/F

(1) (2) (3) (4)

(1) DDG: Double Deflection Grille - Miệng gió bầu dục 2 lớp nan

(2) CD: loại cố định, TL: loại tháo lắp

(3) A: chiều dài, B: chiều rộng.

(4) OBD: Van điều chỉnh lưu lượng

F: Lưới lọc bụi (G1-G4, F5,F6...) theo tiêu chuẩn EN779-2012

Ví dụ: DDG - TL - 500x500 - OBD

Miệng gió bầu dục 2 lớp nan loại tháo lắp, kích thước mặt 500x500, kèm van điều chỉnh lưu lượng OBD.

ĐẶC ĐIỂM SỬ DỤNG

Được sử dụng để hồi gió, có thể dùng cấp gió cho khu vực có lưu lượng lớn.

Gắn trên trần giả, tường hoặc lắp trên miệng gió

Thường lắp kèm van OBD, lưới lọc G3 và hộp gió.

Có thể tháo lắp nhờ khung phụ và bản lề hoặc khoá chốt.

Có một khung bao ngoài và một lõi 2 lớp bao gồm các cánh có biên dạng chữ Elip.

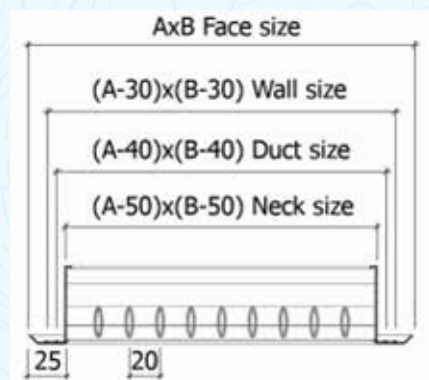
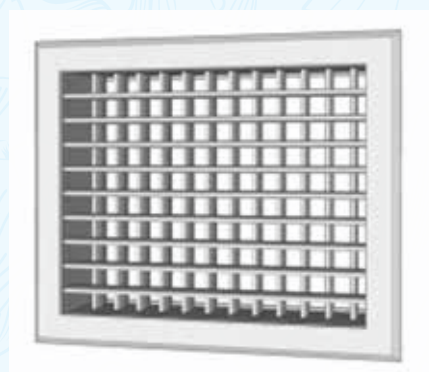
VẬT LIỆU - MÀU SẮC

Khung được làm bằng nhôm định hình dày 1.0-1.2mm.

Nan được làm bằng nhôm định hình dày 0.8-1.0mm, lắp ngang hoặc lắp dọc.

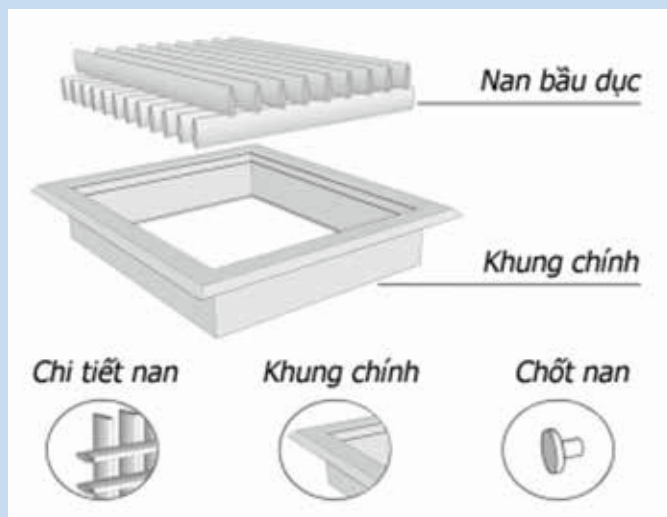
Kết nối bằng vít 4x1mm hoặc chốt Inox.

Toàn bộ miệng gió được sơn bằng dây chuyền sơn tĩnh điện theo công nghệ hiện đại, màu sắc đa dạng theo yêu cầu.



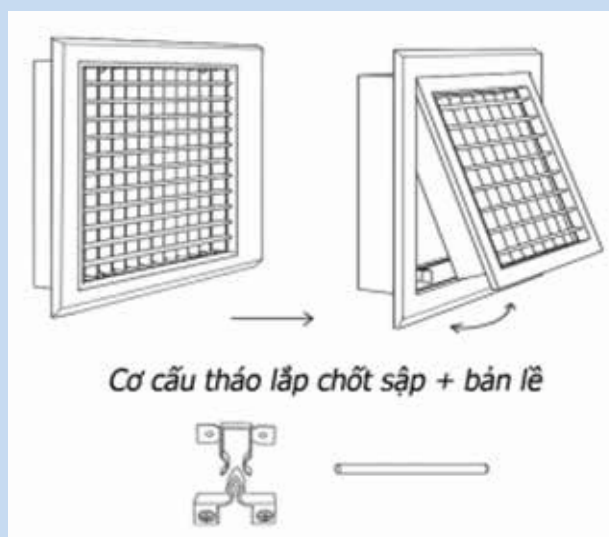
KÍCH THƯỚC TIÊU CHUẨN: CỬA GIÓ 2 LỚP NAN CỐ ĐỊNH

KT MẶT	AxB
KT CỔ	(A-50) x (B-50)
KT HỘP GIÓ	(A-40) x (B-40)
KT LỖ TƯỜNG	A-30) x (B-30)
VAN ĐCCL	+ OBD
PHIN LỌC	+ F



KÍCH THƯỚC TIÊU CHUẨN: CỬA GIÓ 2 LỚP NAN THÁO LẮP

KT MẶT	AxB
KT CỔ	(A-50) x (B-50)
KT HỘP GIÓ	(A-40) x (B-40)
KT LỖ TƯỜNG	A-30) x (B-30)
VAN ĐCCL	+ OBD
PHIN LỌC	+ F



7. MIỆNG GIÓ KIỂU KHE HẸP

THÔNG TIN SẢN PHẨM

Mã hiệu DLS - n - Ax B - OBD/F

(1) (2) (3) (4)

(1) DLS: Diffusers Linear Slot - Miệng gió khe hẹp

(2) n: số Slot (tối đa 6 Slot)

(3) A: chiều dài, B: chiều rộng.

(4) OBD: Van điều chỉnh lưu lượng

F: Lưới lọc bụi (G1-G4, F5, F6...) theo tiêu chuẩn EN779-2012

Ví dụ: DLS - 3 - 500x500 - OBD

Miệng gió khe hẹp, 3 khe hẹp, kích thước mặt 500x500, kèm van điều chỉnh lưu lượng OBD.

ĐẶC ĐIỂM SỬ DỤNG

Được sử dụng để làm cửa cấp

Gắn trên trần giả, trên tường hoặc vách giật cấp.

Thường lắp kèm van OBD, lưới lọc G2 và hộp gió.

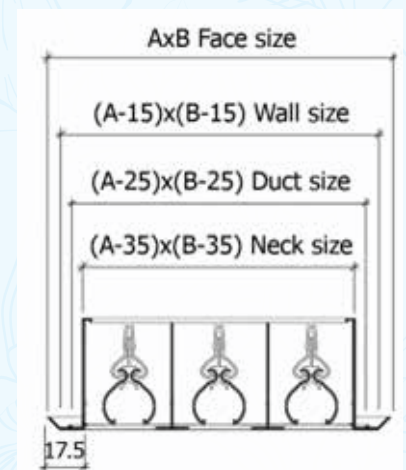
Có thể tháo lắp nhờ khung phụ và bản lề hoặc khoá chốt

VẬT LIỆU - MÀU SẮC

Khung được làm bằng nhôm định hình dày 1.2-1.5mm.

Nan được làm bằng nhôm định hình dày 1-1.2mm.

Toàn bộ miệng gió được sơn bằng dây chuyền sơn tĩnh điện theo công nghệ hiện đại, màu sắc đa dạng theo yêu cầu.



KÍCH THƯỚC TIÊU CHUẨN:

MODEL	1 slot	2 slot	3 slot	4 slot	5 slot	6 slot
KT MẶT	L+35/ W+35	L+35/ W+35	L+35/ W+35	L+35/ W+35	L+35/ W+35	L+35/ W+35
KT CỔ	50	95	140	185	230	275
KT HỘP GIÓ	L+45/ W+45	L+45/ W+45	L+45/ W+45	L+45/ W+45	L+45/ W+45	L+45/ W+45
KT LỖ TƯỜNG	L+55/ W+55	L+55/ W+55	L+55/ W+55	L+55/ W+55	L+55/ W+55	L+55/ W+55

8. MIỆNG GIÓ KIỂU NAN T

THÔNG TIN SẢN PHẨM

Mã hiệu LBG - Ax B - OBD/F

(1) (2) (3)

(1) LBG: Linear Bar Grille - Miệng gió nan T

(2) A: chiều dài, B: chiều rộng.

(3) OBD: Van điều chỉnh lưu lượng

F: Lưới lọc bụi (G1-G4, F5, F6...) theo tiêu chuẩn EN779-2012

Ví dụ: LBG - 500x500 - OBD

Miệng gió nan T, kích thước mặt 500x500, kèm van điều chỉnh lưu lượng OBD.

ĐẶC ĐIỂM SỬ DỤNG

Được sử dụng để cấp gió hoặc hồi gió.

Gắn trên trần giả, trên tường hoặc vách giật cấp.

Thường lắp với van OBD, lưới lọc G2 và hộp gió.

Tháo lắp linh hoạt nhờ khung phụ và cơ cấu bản lề.

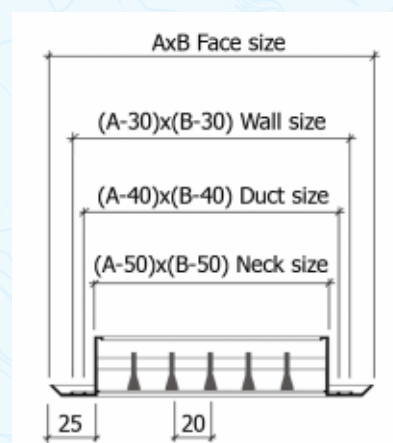
Có một khung bao ngoài và một lõi bao gồm các thanh nhôm cánh phẳng kiểu chữ T.

VẬT LIỆU - MÀU SẮC

Khung được làm bằng nhôm định hình dày 1.0-1.2mm.

Nan được làm bằng nhôm định hình dày 0.8-1.0mm.

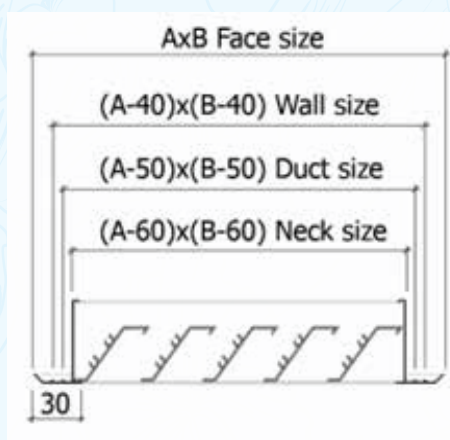
Toàn bộ miệng gió được sơn bằng dây chuyền sơn tĩnh điện theo công nghệ hiện đại, màu sắc đa dạng theo yêu cầu.



KT MẶT	AxB
KT CỔ	(A-50) x (B-50)
KT HỘP GIÓ	(A-40) x (B-40)
KT LỖ TƯỜNG	A-30) x (B-30)
VAN ĐCCL	+ OBD
PHIN LỌC	+ F

9. MIỆNG GIÓ NAN Z

THÔNG TIN SẢN PHẨM



Mã hiệu WL - CD/TL - AxB - OBD/F

(1) (2) (3) (4)

(1) WL: Weather Louver - Miệng gió nan Z

(2) CD: loại cố định. TL: loại tháo lắp

(3) A: chiều dài, B chiều rộng

(4) OBD: Van điều chỉnh lưu lượng

F: Lưới lọc bụi (G1-G4, F5, F6...) theo tiêu chuẩn EN779-2012

Ví dụ: WL - CD - 500x500 - OBD

Miệng gió nan Z cố định, kích thước mặt 500x500, kèm van điều chỉnh lưu lượng OBDọc bụi G4.

ĐẶC ĐIỂM SỬ DỤNG

Được sử dụng để lấy gió tươi hoặc gió thải.

Gắn trên vách đứng hoặc trên tường.

Thường lắp kèm LCCT và hộp gió

Có thể tháo lắp nhờ khung phụ và bản lề hoặc khoá chốt

Có một khung bao ngoài và một lõi bao gồm các cánh có biên dạng chữ Z.

VẬT LIỆU - MÀU SẮC.

Khung được làm bằng nhôm định hình dày 1.0-1.2mm.

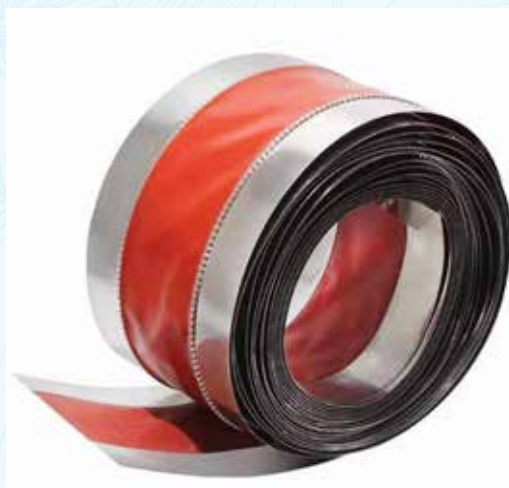
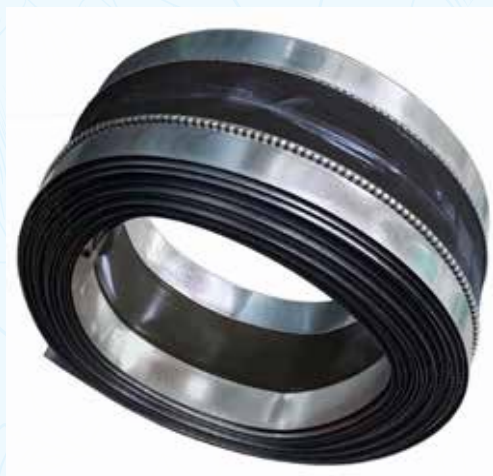
Nan được làm bằng nhôm định hình dày 0.8-1.0mm.

Kết nối bằng vít 4x1 mm

Toàn bộ miệng gió được sơn bằng dây chuyền sơn tĩnh điện theo công nghệ hiện đại, màu sắc đa dạng theo yêu cầu.



IX. NỐI MỀM ỐNG GIÓ



THÔNG TIN SẢN PHẨM

Mã hiệu CC/CCF A-B-A

(1) (2)

(1) CC: Canvas Connector - Mối nối mềm thường

CCF: Canvas Connector Fire - Mối nối mềm chống cháy

(2) A: chiều rộng khổ tôn, B: Chiều rộng vải bạt

Ví dụ: CC 45-60-45

Nối mềm ống gió thường, chiều rộng khổ tôn 45mm. Chiều rộng vải bạt 60 mm.

ĐẶC ĐIỂM SỬ DỤNG.

Được sử dụng lắp đặt trước và sau dàn lạnh, quạt,...

CC: Giới hạn chịu nhiệt -20 độ C đến +80 độ C

CCF: Giới hạn chịu nhiệt -70 độ C đến +400 độ C

Tính năng chính của nối mềm là cách ly rung động và giảm sai số lắp đặt.

VẬT LIỆU - MÀU SẮC

Vải bạt được làm từ vải sợi Polyester phủ lớp PVC

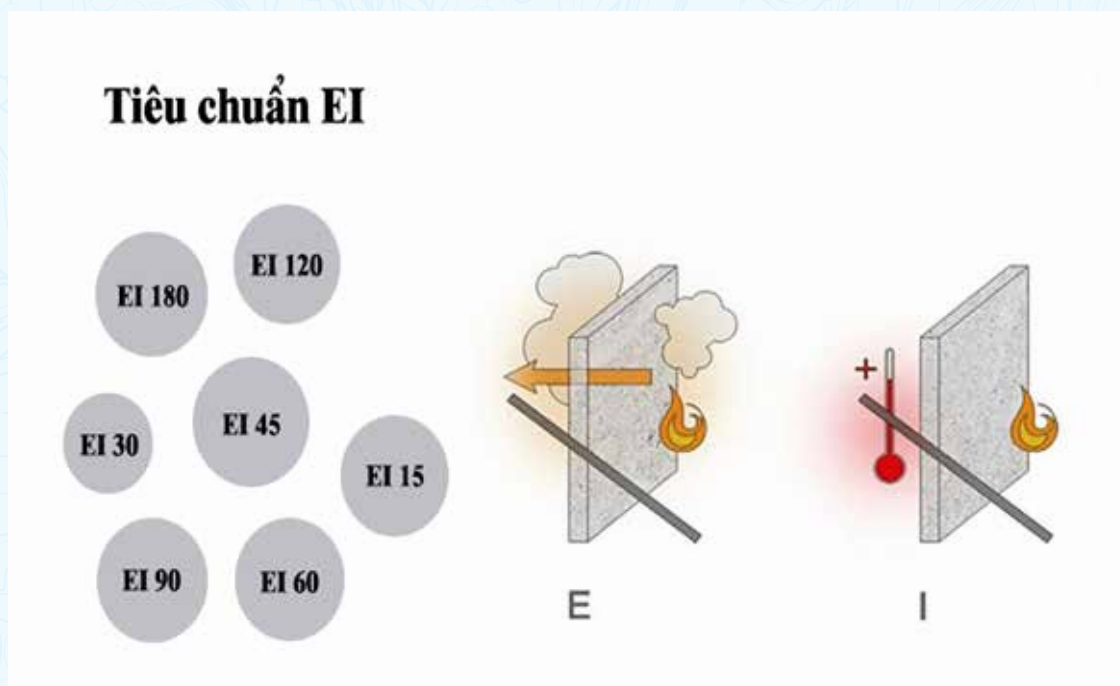
Tôn mạ kẽm theo yêu cầu



X. ỐNG GIÓ CHỐNG CHÁY

MÔ TẢ CHUNG

Ống gió chống cháy là sản phẩm đảm bảo được các yếu tố toàn vẹn (E) và khả năng cách nhiệt (I) trong khoảng thời gian xảy ra cháy theo tiêu chuẩn ISO 6944 - 1 : 2008.



E (Integrity): giới hạn về độ toàn vẹn của vật liệu: là mức giới hạn mà tại đó, cấu kiện vẫn được duy trì toàn vẹn mà không bị nứt gãy, đổ ngã.

I (Thermal Insulation): giới hạn về khả năng cách nhiệt: là giới hạn mà tại đó, vật liệu vẫn giữ được khả năng cách nhiệt ổn định kết cấu chính của vật liệu không bị phá hoại bởi tác dụng nhiệt.

EI30/EI45/EI60/EI120/EI180: Số phút tổ hợp ống gió, van gió chống cháy giữ được tính E và I dưới tác dụng nhiệt.

Các hệ thống sử dụng ống gió chống cháy Vihem 1:

Hệ thống thông gió

Hệ thống hút khói

Hệ thống thông gió/ hút khói kép

Hệ thống thông gió hút khói bãi đỗ xe

Hệ thống hút khói trong nhà bếp

Hệ thống thông gió điều áp/ tăng áp

PHÂN LOẠI ỐNG GIÓ HÚT KHÓI NGĂN CHÁY EI (THEO QC06:2022/ BXD)

ỐNG GIÓ HÚT KHÓI NGĂN CHÁY EI30

Ống hút khói đi ngang: Các đường ống và thiết bị của hệ thống hút khói đối với các trường hợp khác nằm trong phạm vi khoang cháy được phục vụ. Van hệ thống hút xả khói ra ngoài đối với hành lang, sảnh, hành lang bên (không được dùng van cầu chì nhiệt).

Ống tăng áp đi ngang cửa: Hệ thống cấp không khí vào để bảo vệ chống khói (tăng áp) đối với các ống dẫn khí của hệ thống cấp khí vào bảo vệ cho các buồng thang bộ và giếng thang máy, cũng như cho các khoang đệm ngăn cháy ở các cao trình trên mặt đất



ỐNG GIÓ HÚT KHÓI NGĂN CHÁY EI45

Ống hút khói: Các đường ống và thiết bị của hệ thống hút khói đối với đường ống và kênh dẫn khói nằm trong phạm vi của khoang cháy được phục vụ, khi hút sản phẩm cháy trực tiếp tại khu vực phục vụ đó. Van hệ thống hút - xả khói ra ngoài đối với các phòng có mật độ đồng thời 50 người trở lên, trong một khoảng thời gian nhất định và đối với các sảnh thông tầng (Không được dùng van cầu chì nhiệt)

ỐNG GIÓ HÚT KHÓI NGĂN CHÁY EI60

Ống hút khói đi ngang tầng hầm, nhà để xe: các đường ống và thiết bị của hệ thống hút khói đối với các đường ống và kênh dẫn khói nằm trong phạm vi của khoang cháy được phục vụ, khi sử dụng để thải khói từ các gara để xe dạng kín. Van chặn lửa: Không cho phép dùng van ngăn cháy dùng phần tử nhiệt; không thấp hơn EI60, khi bộ phận ngăn cháy tương ứng có giới hạn chịu lửa REI60.

Van hệ thống hút xả khói ra ngoài đối với các gian để xe ô tô và các hành lang cách ly của gara kín (không được dung van cầu chì nhiệt).

Ống tăng áp đi ngang tầng hầm, gara và trực đứng tăng áp trên mặt đất: ống của hệ thống cấp khí vào để bảo vệ chống khói (tăng áp) đối với các ống dẫn khí theo tầng của hệ thống cấp khí vào cho các khoang đệm ngăn cháy, các hành lang cách ly gara kín.

ỐNG GIÓ HÚT KHÓI NGĂN CHÁY EI90

Van chặn lửa: không cho phép dung van ngăn cháy dùng phần tử nhiệt; không thấp hơn EI90, khi bộ phận ngăn cháy tương ứng có giới hạn chịu lửa REI120 hoặc lớn hơn



ỐNG GIÓ HÚT KHÓI NGĂN CHÁY EI120

Ống hút khói đi ngang ngoài khoang cháy: các đường ống và thiết bị của hệ thống hút khói đối với các đường ống và kênh dẫn khói nằm bên ngoài phạm vi của khoang cháy mà hệ thống đó được phục vụ, khi đó tại các vị trí đường ống và kênh khói đi xuyên qua tường, sàn ngăn cháy của khoang cháy không được lắp các van ngăn cháy loại thường mở.

Van chặn lửa: không thấp hơn EI90, khi bộ phận ngăn cháy tương ứng có giới hạn chịu lửa REI120 hoặc lớn hơn.

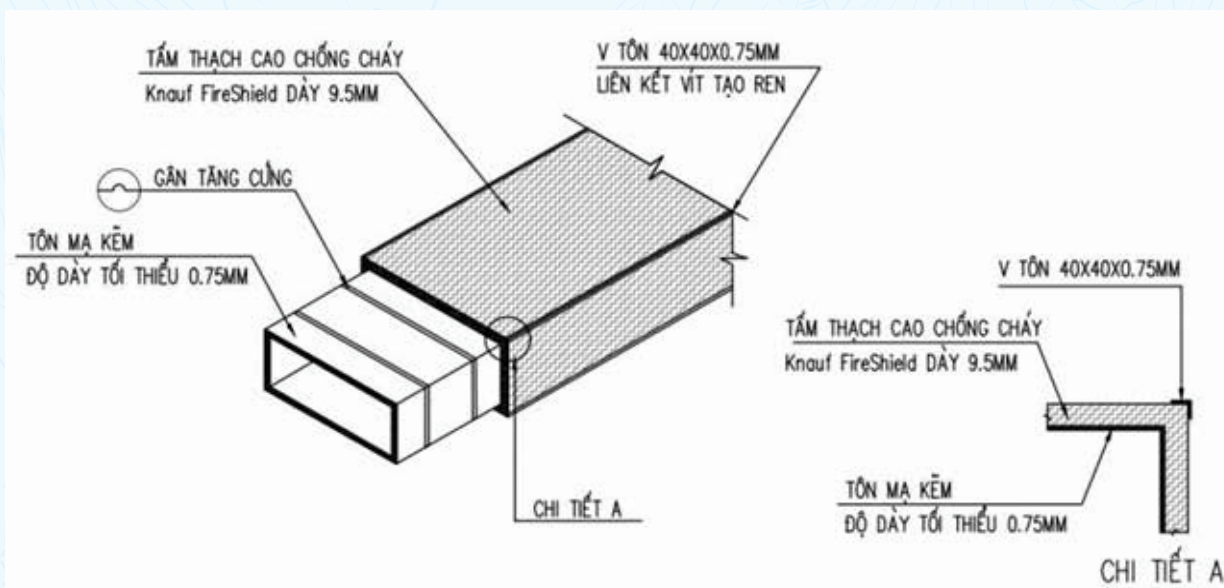
Ống tăng áp trực đứng tầng hầm, gara: đối với ống dẫn khí thẳng đứng và các kênh dẫn nằm trong phạm vi khoang cháy mà chúng phục vụ.

ỐNG GIÓ HÚT KHÓI NGĂN CHÁY EI180

Ống tăng áp trực đứng tầng hầm, gara: đối với ống dẫn khí thẳng đứng và các kênh dẫn nằm trong phạm vi khoang cháy mà chúng phục vụ



XI. SẢN PHẨM ỐNG GIÓ CHỐNG CHÁY



THÔNG TIN SẢN PHẨM:

Mã hiệu PK - Elaa - bb -TDF/V

(1) (2) (3) (4)

(1) PK: Mã sản phẩm ống gió hoặc phụ kiện ống gió

(2) El: tiêu chuẩn chống cháy, aa: cấp chống cháy

(3) bb: vật liệu chống cháy

(4): Loại mối ghép

Ví dụ: SSD - 800x500 - L600 - El60 - KHS - TDF

Ống gió thẳng kích thước 800x500, L600, tiêu chuẩn El60, tấm cách nhiệt KH Shield, mối ghép kiểu TDF

VẬT LIỆU:

Thân: Tôn tráng kẽm / Inox SUS 201, 304.

Độ dày: 0.58mm/ 0.75mm/ 0.95mm/ 1.15mm

Tấm chống cháy: KH Shield, Knauf FireShield hoặc theo yêu cầu.

Bích: C / TDF / V (theo yêu cầu).

ỨNG DỤNG:

Đường ống lưu thông gió trong hệ thống thông gió sự cố.



Dây chuyền Auto Line





VIHEM1

Chất lượng tạo nên giá trị



ECO'WIND

Chất lượng tạo nên giá trị

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY ĐIỆN VIỆT NAM - HUNGARI 1

Địa chỉ: Đường 6B, KCN Hòa Khánh, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
Website: www.vihem1.com.vn | Email: Ecowind.duct@gmail.com
Điện thoại: 0236 0368 068 | Hotline: 0944 177 321